SỐ 1795

LƯỢC SỚ CHÚ KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

Sa-môn Tông Mật chùa Thảo Đường núi Chung Nam đời Đường soạn.

QUYỂN THƯỢNG
(Phần 1)

1. Mười môn để giải thích kinh này:

Để giải thích kinh này, có chia làm mười môn.

1. Nhân duyên có kinh này.
2. Thuộc về tạng thừa nào.
3. Phân biệt quyền thật.
4. Bờ mé sâu xa.
5. Trùm khắp cơ nghi.
6. Thể tánh Năng thuyên.
7. Tông thú chung riêng.
8. Tu chứng thềm bậc khác nhau.
9. Giải thích chung tựa đề.
10. Giải thích riêng nghĩa văn.

Môn thứ nhất: Ban đầu có chung riêng, chung nghĩa là nhân đáp trả, do đáp trả nên thỉnh cầu nói về lý độ sinh, giáo pháp một đời hưng thịnh đều nhờ đó. Bản ý của Phật chỉ vì một lý do lớn. Riêng thì có mười việc làm cho nên nói kinh này.

1. Nói lên nhân hạnh có nguồn gốc, chiếu soi tròn đầy tịnh giác,

hiểu rõ vô minh là không, phát tâm thanh tịnh mới tu muôn hạnh.

2. Dứt bặt quả tướng thành viên, vốn không có Bồ-đề, Niết-bàn, chỉ là giác tánh thanh tịnh, cho nên không có trước, sau, thêm, bớt, mới là quả rốt ráo.

3. Quyết định lựa chọn ngộ lý nên tu. Ý Phổ Hiền hỏi rằng: giác tánh vốn tròn đầy, tất cả như huyễn, huyễn không vô thể, ai là người tu hành? Nếu như không tu thì nhờ đâu chứng giác! Phật nói do khởi huyễn trí để dứt các huyễn, huyễn hết trí mất, giác tâm tròn sáng. Nhưng nay chỉ nói không huyễn, chìm trong vô tu, những người tu tập bị ràng buộc bởi hữu đắc, do ngộ ý tu, dường như trái mà lại phù hợp. Cho nên rất khó rõ, lý phải lựa chọn.

4. Cùng tận sâu sa niệm nghi ngờ, Bồ-tát vặn hỏi ý rằng: Chúng sinh vốn là Phật, nay đã là vô minh, Như Lai trong mười phương sau ứng với phiền não, Phật đáp ý rằng: ngay nơi phân biệt này chính là vô minh, cho nên thấy được viên giác cũng đồng trôi lăn, như do mây trôi mà thấy mặt trăng đi, chỉ một niệm bất sinh, thì mé trước, sau dứt, như mắt lành bệnh thì hoa đốm biến mất... chúng sinh tức là Phật, ít người có khả năng biết được, biết mà ít tin, tin mà ít hiểu, hiểu cũng khó đạt đến cảnh giới này, nay kinh giải quyết rõ, nói thật cùng nguồn, nếu tinh thông được thì các nghi ngờ tự cởi mở.

5. Dứt trừ cội gốc luân hồi, phát nghiệp thành chủng vô minh là gốc, thấm nhuần nghiệp thọ sinh, tham ái là gốc, nếu không biết tướng thì liền thành kẻ giặc. Nếu chẳng đạt được "không" thì không bao giờ dứt trừ, cho nên trả lời với ngài Văn-thù, Di-lặc, nghiên cứu cùng tột cội nguồn của nó.

6. Tìm tòi Bồ-đề ẩn chướng, nói ngã nhân chúng sinh thọ mạng, tuy gọi đồng các giáo, mà hành tướng sâu kín từ thô đến tế xoay vần khó dứt, cho nên một chương tịnh nghiệp tìm kiếm nhiều lớp.

7. Văn ít mà có khả năng thâu nhiếp nhiều môn, văn chỉ có hai mươi tám tờ, nghĩa đầy đủ đốn tiệm không hữu ngộ tu tánh tướng.

8. Trong mỗi pháp, mỗi văn chỗ nào cũng nêu y viên giác kiết vào viên giác, khéo trùm ba căn, môn phổ nhãn quán bao trùm thượng căn, các luân ba quán bao trùm trung căn, đạo tràng gia hạnh bao trùm hạ căn.

9. Dạy tu xứng tánh đi sâu vào thiền, ba pháp quán đều dùng ngộ tịnh viên giác làm gốc.

10. Khuyến khích việc lìa tướng, rõ minh sư, "Phật vốn là" mà lại khuyên tu, hoặc vốn không mà phải dứt, không có khuôn phép để bắt

chước, không dấu vết để nương theo, quyết phải lìa tướng, minh sư dẫn dụ, cho nên dạy gần gũi, suốt đời quên thân.

Môn thứ hai. Thuộc về tạng thừa nào: Trong ba tạng thuộc về tạng kinh. Trong hai tạng thuộc về Bồ-tát tạng, trong các thừa thuộc về Nhất thừa, trong mười hai phần:

1. Khế kinh.
2. Ứng tụng.
3. Thọ ký
4. Phúng tụng.
5. Nhân duyên.
6. Tự thuyết.
7. Bổn sự.
8. Bổn sinh.
9. Phương quảng.
10. Vị tằng hữu.
11. Thí dụ.
12. Luận nghị.

Khế kinh, Phương quảng thuộc về hai phần.

Mộn thứ ba. Phân biệt quyền thật: Nhưng Tây Vực và phương Đông (Ấn độ, Trung quốc) các bậc tôn đức xưa nay lập tông phán giáo đều ly, hiệp khác nhau. Hoặc nhất vị không phân, hoặc khai tông phân biệt, nay sẽ nói lược, lại chia ra hai môn, ban đầu thì không phân, sau nói rõ phần giáo.

Ý không phân chia có năm:

1. Lý vốn một vị khác nhau đồng quay về.
2. Một âm ứng khắp, một giọt mưa thấm cùng.
3. Vốn bản ý của Phật là một việc.
4. Tùy theo mỗi văn mà mọi người hiểu khác nhau.
5. Nhiều cách nói pháp thành dòng nhánh cho nên không thể phân, tức là Lưu-chi đời hậu Nguỵ, La-thập Diêu Tần, lập một âm giáo, chính là ý này. Phân chia giáo có tám ý, ban đầu là năm phiên, trước sau có ba thuyết khác nhau.

1. Lý tuy một vị, giải thích có cạn sâu.
2. Phật tuy một âm giáo nhưng tùy căn cơ khác nhau.
3. Bổn ý chưa nói, tùy theo ý ngữ của người nghi.
4. Nói có chung riêng thì nói theo hiển.
5. Do phân biệt quyền thật, không trụ ở dòng nhánh.
6. Mật ngữ của vua, lời tuy đồng mà việc khác.

7. Không biết ơn Phật, cho sâu là cạn, mất lợi ích lớn, cho cạn là sâu, luống mất công đức.

8. Chư Phật, Bồ-tát cũng tự phân chia, do các ý này, khai thì được nhiều mà mất thì ít, hiệp thì được ít mất nhiều, chỉ có thể luống mình cầu đồng phần, cũng đâu trái với ý chính, cho nên nay phân.

Nhân phân giáo, lại các đức khác nhau, ở đây theo Đại sư Hiền Thủ, gom chung làm năm:

1. Tiểu thừa giáo.
2. Đại thừa thỉ giáo.
3. Chung giáo.
4. Nhất thừa đốn giáo.
5. Viên giáo.

1. Ban đầu tùy theo căn cơ, tùy theo tiếng nói của họ mà nói các pháp số hoàn toàn khác nhau, vì để phân biệt tà chánh, phân biệt phàm Thánh, phân biệt ham thích nhàm chán, nói về nhân quả, nhưng pháp số sở thuyết có bảy mươi lăm, chỉ nói người không, chẳng nói pháp không, chỉ nương vào sáu thức ba độc, lập ra nhiễm tịnh căn bản, chưa cùng tận cội nguồn các pháp, cho nên có nhiều tranh luận.

2. Thỉ giáo: cũng gọi là phần giáo, vì thâm mật thứ hai, thứ ba, thời giáo cùng cho là định tánh, vô tánh đều không thành Phật, nay hợp chung lại thành một giáo, đây đã chưa rõ pháp lý Đại thừa cho nên lập làm ban đầu có người không thành Phật, nên gọi là phần, nói rộng pháp tướng, lược bỏ chỗ rườm rà ghi số còn một trăm, ít nói pháp tánh, pháp tánh đã nói tức là pháp tướng số, lựa chọn rõ ràng cho nên ít tranh luận.

3. Chung giáo: cũng gọi Thật giáo, chủ trương Nhị thừa định tánh, Xiển-đề vô tánh, đều sẽ thành Phật, mới nói thuyết cùng tột Đại thừa, cho nên lập thành Chung, vì xứng với thật lý cho nên gọi là thật, ít nói pháp tướng phần nhiều nói pháp tánh, đã nói pháp tướng cũng sẽ quy về tánh, cho nên không tranh luận. Hai giáo trên đều y theo địa vị thứ lớp tu thành, chung gọi là tiệm. Nhưng Đại thừa giáo gồm có ba tông, cho rằng pháp tướng bác bỏ tướng, cả hai đều là bắt đầu của Tiệm giáo, tức là hai vị Luận sư Giới Hiền và Trí Quang, mỗi vị y theo một kinh lập ba thời giáo, bác bỏ lẫn nhau, mà người truyền bá tu tập đều theo kinh pháp tánh, thành lập nghĩa của tông mình.

Pháp tánh có cả đốn tiệm, Tiệm tức Chung giáo, Chung với Thỉ, đốn ở sau sẽ nói.

Nay pháp tánh là phân biệt với hai tông, tức là hai môn: Một là

đối pháp tướng; hai là đối phá tướng. Trong phần đầu, hai tông tánh tướng có nhiều khác nhau, ở đây tùy theo loại thúc lược mà trình bày mười điều.

1) Ba thừa, tánh có năm, trước là tiểu, kế là một bất liễu, sau đủ ba thừa là liễu, Thâm mật...

Nhất thừa: Tánh là một, trước là Tiểu, kế là hai bất liễu, sau chỉ có nhất thừa là liễu, như Pháp Hoa...

2) Năm tánh: trong kinh Lăng-già... đều nói năm tánh.

Nhất tánh: kinh Pháp Hoa, Lăng-già, Niết-bàn đều chỉ nhất tánh. Thanh văn thú tịch các cõi Phật khác, Bồ-tát được thọ ký cũng sẽ thành Phật. Xiển-đề có Phật tánh, Nhiếp luận lập pháp, một ở ba sau cho nên Pháp Hoa bác bỏ ba, thường oán trách ganh ghét.

3) Duy tâm vọng: tám thức từ hoặc nghiệp sinh ra. Chân: tám thức có cả Như Lai tạng.

4) Chân như bất động: tám thức sinh diệt, cho nên chẳng phải tùy duyên.

Tùy duyên: tám thức nương vào tạng tánh, cho nên chỉ là chân như tùy duyên thành lập.

5) Ba tánh không hữu lìa, biến kế không nương vào viên hữu, tức là vô tánh tức viên.

6) Chúng sinh và Phật không thêm không bớt, định tánh, vô tánh chắc chắn không thành Phật. Thế giới chúng sinh không diệt, một lý đều ngang nhau, không thêm không bớt.

7) Hai đế không hữu lìa, chân-tục rõ ràng, tức là không Đệ nhất nghĩa, bao gồm chân vọng.

8) Bốn tướng trước sau, diệt biểu, sau vô. Đồng thời thể tánh liền diệt.

9) Năng sở đoạn chứng lìa, sau căn thì duyên cảnh dứt hoặc, dùng trí hữu vi chứng lý vô vi, nghĩa là hoặc tức Bồ-đề, kiến là chân như.

10) Thân Phật hữu vi, bốn trí nương thức chủng sinh diệt. Báo thân hữu vi.

Vô vi: Trí nương Như Lai tạng, hóa thân Phật tức thường, tức pháp, không rơi vào các số, huống chi là báo thể!

Nếu biết quyền giáo thật giáo thì hai tông cũng không trái nhau. Nghĩa là theo căn cơ thì có ba, nói về pháp thì một, mới huân thì năm, sẵn có thì không hai... hai là đối phá tướng, lược có năm thứ khác nhau:

1. Vô tánh vì các pháp vô tánh là bổn tánh chân như, chân tâm thường trú là chân như.

2) Chân trí: có công năng hiểu rõ vô tánh. Chân tri: nhất tâm chân thật vốn tự có thể biết, có cả lý và trí, thấu suốt nhiễm tịnh, như phẩm Vấn Minh trong kinh Hoa Nghiêm nói.

Hai thứ hai đế sắc... là tục, không tức là chân.

3) Đế: Thêm Đệ nhất nghĩa đế, nghĩa là nhất chân tâm tánh chẳng phải không, chẳng phải sắc, có thể là không, có thể sắc, như sự trong sáng của gương.

4) Ba tánh không hữu, không có không hữu nghĩa là y chế, không nghĩa là viên thành tánh tông, tức biến kế (chấp) tình thì có, lý thì không, y tha thì tướng có, tánh vô, viên thành tình không lý có, tướng không tánh có.

5) Năm đức của Phật là không, mặc dù nói thân Phật năm cầu không được, đắc thì luống dối, vô đắc mới chân, lìa tất cả tướng gọi là công đức của Phật.

Hữu: Chư Phật đều có thường, lạc, ngã, tịnh công đức chân thật, thân trí thông quang mỗi đứa vô tận, tánh tự vốn có, không đợi cơ duyên. Phân biệt sơ lược năm thứ này, còn lại so sánh mà biết, nhưng được ý thì cũng không trái nhau, nghĩa là tất cả pháp đã đều là chân tâm duyên khởi, duyên khởi vô tánh lại tức là chân tâm. Thỉ không khác bổn, ngoài biết chẳng có trí, các đế tánh... lệ theo có thể rõ. Nhưng pháp môn này khác với trước sau, nhưng giáo có sự khác nhau giữa đốn tiệm, thỉ chung, pháp chẳng khác nhau về sâu cạn.

4. Đốn giáo: chỉ một niệm không sinh thì gọi là Phật. Không nói theo địa vị thứ lớp cho nên lập ra đốn. Kinh Tư Ích chép: Được chánh tánh các pháp không từ một địa đến một địa. Kinh Lăng-già chép: Sơ địa tức là Địa thứ tám, cho đến không thật có, làm sao có thứ lớp?

Nói chung không nói pháp tánh, chỉ nói chân tánh, tất cả sở hữu chỉ là vọng tưởng. Tất cả pháp giới chỉ là bặt lời, năm pháp, ba tự tánh đều không, tám thức, hai vô ngã đều bỏ đi. Trách giáo khuyên lìa, hủy tướng mất tâm, tâm sinh tức là vọng, không sinh tức là Phật, bặt dứt dấu vết mới hiển bày chân tánh.

5. Viên giáo: Nói một vị tức là tất cả vị, tất cả vị tức là một vị. Vì vậy tâm tràn đầy mười điều tin, liền nhiếp năm vị thành chánh giác... chủ bạn đầy đủ cho nên gọi viên giáo, tức là kinh Hoa Nghiêm. Chỗ nói chỉ là pháp giới vô tận, biển tánh viên dung, duyên khởi vô ngại, như cái lưới bằng hạt châu của trời Đế Thích nhiều lớp vô tận. Đã biết năm giáo thấu suốt ở chỗ những lời giải thích, chẳng hay kinh này và kia thuộc về giáo nào? Ở đây hiển rõ nghĩa này chia làm ba môn.

1) Kia hoàn toàn thuộc về đây, phần này nhiếp kia, nghĩa là Viên giáo.

2) Phần đây thuộc về kia, kia không thuộc đây, nghĩa là hai thứ đầu.

3) Kia đây khắc thể, hoàn toàn thuộc vào nhau, tức chung đốn. Phân biệt quyền thật xong.

Môn thứ tư: Bờ mé sâu xa, y theo luận Khởi Tín nói về các pháp nhiễm bổn mạt năm lớp, để nói sở thuyên của các tông bờ mé sâu cạn, trong luận:

a) Ban đầu chỉ lấy nhất tâm làm cội nguồn.

b) Hai y vào nhất tâm chia ra hai môn:

- Tâm chân như môn: tâm tánh không sinh không diệt.

- Tâm sinh diệt môn: nương vào Như Lai tạng hợp với sinh diệt, gọi là thức A-lại-da.

c) Ba là nương vào thức này nói hai nghĩa:

- Nghĩa giác: (bổn giác, thỉ giác), là tâm thể lìa niệm...

- Nghĩa bất giác: nghĩa là không biết pháp như thật chân như là một, bất giác tâm khởi...

d) Bốn là nương vào nghĩa sau mà sinh ba thứ nhỏ nhiệm:

- Nương vào bất giác cho nên tâm động, gọi là nghiệp tướng.

- Y theo động cho nên có thể thấy, gọi là chuyển tướng.

- Y theo thấy cho nên vọng hiện cảnh giới gọi hiện tướng.

e) Năm: y theo sau cùng sinh ra sáu thô.

- Một là: trí tướng, nương cảnh phân biệt, tức là pháp chấp đều sinh.

- Hai là: Tương tục tướng: nương vào trí khởi niệm không dứt, tức phân biệt pháp chấp.

- Ba là Chấp thủ tướng: tâm khởi mê đắm, tức ngã chấp đều sinh.

- Bốn là: kế danh tự tướng: ngã kiến phân biệt, bốn việc trên đều mê hoặc.

- Năm là: khởi nghiệp tướng, chính là nghiệp.

- Sáu là: nghiệp hệ khổ tướng là báo, nói bờ mé sở thuyên của các tông, nghĩa là nhân thừa thiên thừa chỉ đều là nghiệp báo. Tiểu thừa chỉ có bốn thô sau. Pháp tướng cùng tột đối với ba nhỏ nhiệm. Chung giáo, đốn giáo đều giải thích bổn mạt mới cùng tận, ban đầu là nguồn nhất tâm, ban đầu là nguồn nhất tâm tức kinh này là viên giác diệu tâm. Kinh nêu viên giác làm tông bổn, nói pháp tịnh nhiễm đều từ giác tâm

hiện khởi là lớp thứ nhất.

Cuối chương Văn-thù tức môn chân như, kinh gọi là Như Lai tạng khác nhau, tức sinh diệt môn. Đây là lớp thứ hai. Chương Phổ Nhãn: ngay nơi thỉ là bổn giác, nêu lên giải thích vô minh, tức là bất giác. Đây là lớp thứ ba.

Chương Tịnh nghiệp tức là ba tế hai thô. Đây là lớp thứ tư.

Chương Di-lặc: trước là nói về nhân quả luân hồi, tức bốn thô sau. Đây là lớp thứ năm.

Môn thứ năm: Cho nên biết Viên giác cùng tột năm lớp. Nêu rằng: sâu xa là ở tại đây. Năm thứ bao trùm các ăn cơ, lược có hai thứ: ban đầu chọn lựa, sau nhiếp khắp, ban đầu nói đắm ưa danh tướng dùng văn giải thích. Là vướng mắc hạnh vị, cao suy Thánh vị tình còn nơi không, lời nói chạm đến người khác, tự cây thiên chân nhàm chán tiến lên tu tập. Như trên trên chẳng phải là khí (tài năng), trái với trên tức là khí sau thu, khắp là: tất cả chúng sinh đều sẵn có Phật tánh, chỉ được nghe đều được lợi ích, nghĩa là người căn cơ sâu xa ở đời trước thì ngộ nhập, người căn cơ cạn cợt thì tin hiểu, người đời trước không có hạt giống, cũng đều huân thành chủng tánh viên đốn, như kinh ví dụ ăn Kim cương trong Hoa Nghiêm.

Môn thứ sáu: năng thuyên thể tánh, lược làm bốn môn:

1. Tùy tướng môn: có hai thứ:

a) Thanh danh cú văn thể: thể dụng giả thật giúp nhau, cho nên kinh Thập Địa dụ vẽ gió trong hư không...

b) Thông nhiếp sở thuyên nghĩa, nếu không giải thích văn nghĩa thì chẳng phải giáo.

2. Duy thức môn: hai thứ trước không lìa thức, nhưng có sự khác nhau giữa gốc và bóng.

3. Quy tánh môn: thức này vô thể, chỉ là chân như.

4. Vô ngại môn: tâm cảnh lý sự thấu suốt dung nhiếp lẫn nhau. Vì pháp nhất tâm có hai môn, bảy tông, là chỗ y cứ của bộ, sở quy của tông.

Môn thứ bảy: Chung riêng: chung: là nói về Phật giáo lấy nhân duyên là tông, trong đó có Tiểu thừa không tông, pháp tướng, pháp tánh viên dung khác nhau, ở đây là pháp tánh.

- Riêng: nói kinh này lại có chung riêng, chung do tâm cảnh vắng lặng. Biến kế như rắn quỷ... dưới đây nói: chẳng làm cho nên vô...

* Tịch: y tha như cảnh tượng... ở dưới nói: bốn đại không động... Giác tánh tròn đầy: do vắng lặng cho nên tròn đầy thành thật.

Phàm Thánh bình đẳng làm tông, ở dưới nói: giác tròn đầy, cho đến căn trần trùm khắp pháp giới. Khiến người tu hành quên tình, do ngộ tông liền cởi bỏ sự trói buộc của tám bất đẳng, Phật là do tình mất.

Quán hạnh mau thành làm thú hướng, lại lấy thú hướng trước làm tông, làm cho hoặc nghiệp tiêu diệt, dứt hẳn luân hồi, khởi thần dụng rộng lớn, an vui tự tại làm thú hướng.

Về riêng: có năm cặp:

1. Cặp Giáo nghĩa: Giáo thuyết làm tông, ý nghĩa làm thú hướng.

2. Cặp Lý sự: nêu sự làm tông, hiển lý làm thú hướng.

3. Cặp Cảnh hạnh: lý cảnh làm tông, quán hạnh làm thú hướng.

4. Cặp Hạnh tịch: quán hạnh làm tông, tuyệt quán làm thú hướng.

5. Cặp Tịch dụng: dứt quán tâm vắng lặng làm tông, khởi thần dụng rộng lớn làm thú hướng.

Năm cặp này cũng là từ trước khởi sau dần dần nương nhau. Tám thềm bậc tu chứng khác nhau là y theo văn giáo chỉ sinh hiểu nghĩa, quên thuyên tu chứng lại có pháp môn kia, cho nên dùng tâm truyền tâm nhiều đời không dứt. Từ Phật thuộc Ca-diếp xoay vần đến nay, đèn sáng nương nhau rõ ràng không dứt, nhưng nương pháp sở truyền không ngoài định, tuệ, ngộ, tu, đốn, tiệm. Vô định vô tuệ là cuồng là ngu, tu riêng một môn là vô minh tà kiến, hai pháp này nương nhau vận hành thành đấng Lưỡng túc (phước đức, trí tuệ) cho nên sự tu hành của tông Thiên Thai ở chỉ quán, đốn, tiệm, ngộ, tu của chỉ quán ấy.

Môn thứ tám: Đốn ngộ: mặt trời mọc trẻ em sinh, tiệm tu: sương tan trẻ lớn. Vì hiểu rõ tiệm tu đốn ngộ: chặt gỗ đem về kinh đô.

Đốn tu tiệm ngộ: chùi gương học bắn. Tiệm tu tiệm ngộ: như lên đài chín tầng, chân bước dần lên cao thì thấy dần dần xa, đồng thời chứng ngộ, hoặc đốn ngộ đốn tu, dứt sợi tơ nhiễm. Cho nên có cả ba nghĩa là ngộ ở trước, rõ ràng là đến hiểu. Sau tu, không đắm, không chứng, thênh thang hợp đạo, vì hiểu ngộ trước tu (uống thuốc) ngộ sau (lành bệnh) là tu chứng ngộ, vô tâm quên chiếu ngộ, nhậm vận biết vắng lặng. Cùng lúc liền thông hiểu chứng ngộ, hoặc nói sẵn có tất cả đức của Phật là ngộ như uống nước biển.

Nhất niệm muôn hạnh là tu, được vị trăm sông, cũng thông hiểu chứng, kinh Viên giác này đủ các thuyết trước. Chương Văn-thù chính là đốn giải ngộ, phổ nhãn quán thành là đốn chứng ngộ. Tam quán các luân là chứng ngộ tiệm.

Lại, ba quán mỗi quán nêu nêu ngộ tịnh viên giác, kế là nói hành tướng, sau hiển rõ công thành. Trong cặp đối đầu là đốn ngộ tiệm tu, chặng giữa và sau là đối chính là tiệm tu đốn ngộ, các đốn tiệm này đều nói dụng tâm, không đồng môn trước, chỉ là phán giáo. Nếu được ý kia đều thành định tuệ, như kia mất tôn chỉ vọng tưởng vô ký, mong các người học hiểu rõ mà tu, thứ chín, thứ mười hai môn kia, tùy theo bản văn chú giải, cho nên không có khoa đoạn.

Môn thứ chín giải thích tên kinh:

Kinh Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-đa-la Liễu Nghĩa, năm chữ Đại phương Quảng Viên Giác là sở thuyên, nói viên giác là pháp, Đại phương quảng là nghĩa, cho nên trong văn nêu kiết thúc, ý chỉ được trình bày, mỗi lần chỉ nói Viên giác không nói đại... sáu chữ dưới thuộc về năng thuyên, nói kinh là giáo pháp, Tu-đa-la liễu nghĩa là khen ngợi giáo có công năng thù thắng. Kinh có năm tên: đầu đề chỉ có hai, vì tông bổn thể dụng là cương yếu rộng lớn của pháp nghĩa, thuyên chỉ công năng là gương sáng của lời nói và cảnh tượng. Sự cùng nghĩa tận, nên lập năm tên, tiêu đề giản đơn còn giữ hai hiệu, ba chữ đại... là thể tướng dụng, mỗi chữ có hai nghĩa. Đại do đương thể mà được tên, thường khắp là nghĩa. Đương thể: Không đồng với tông pháp tướng, lựa chọn chữ đại của tiểu, ngoài "đại" có "tiểu" để chọn vẫn còn là phần hạn, đâu phải là chí đại! Nay do thể viên giác không bờ mé, dứt các phần lượng, gắng gượng gọi là đại. Thường khắp: thường thì dọc suốt ba đời, khắp thì ngang khắp mười phương. Thụ là quá khứ vô thỉ, vị lai vô chung. Không có một pháp nào trước, chỉ trước với các phước đây, cho nên gọi là Đại. Kinh Niết-bàn chép: đại gọi là thường. Hoành là mười phương cùng tột không có bờ mé. Niết-bàn lại chép: nói đại là tánh nó rộng lớn giống như hư không. Phương theo pháp đặt tên, giữ gìn khuôn phép là nghĩa, liền sinh hiểu biết, nhậm trì tự tánh. Trì tự tánh là tất cả chúng sinh đều có bổn giác, mặt dù trôi dạt trong sáu đường thọ nhiều thân nhưng giác tánh này không hề mất đi. Sinh hiểu nghĩa là chúng sinh ngộ nhập tri kiến, tuy nhờ bạn lành chỉ bày: nhưng trí giải kia từ giác tánh sinh ra, như nước thấm vào đất sinh ra mầm, mầm từ giống sinh không từ nước đất, cho nên văn nói: Viên giác lưu xuất từ Bồ-đề, Niết-bàn và Ba-la-mật, chỉ dạy Bồ-tát. Quảng là từ dụng đặt tên, rộng rãi to lớn là nghĩa. Rộng lớn là tánh viên giác này: vốn có diệu dụng hơn bụi nhỏ, ngầm hưng thịnh, bí mật tương ứng không có ngơi nghỉ, không có cùng tận. Rộng lớn là dụng của vô tận, mỗi mỗi đồng với giác tánh, không có bờ mé, không có giới hạn.

Văn chép: giác tánh cùng khắp tròn đầy không giới hạn, nên biết sáu căn trùm khắp pháp giới. Viên giác là: chỉ thẳng pháp thể, nếu không khắc thể nêu chỉ, thì không biết hướng đến nói pháp nào lớn, pháp nào rộng. Viên là đầy đủ cùng khắp, ngoài ra không còn pháp nào khác. Giác là vắng lặng sáng rõ soi chiếu, không có niệm tưởng phân biệt, cho nên luận chép: nói nghĩa giác là nói tâm thể lìa niệm, tướng lìa niệm bằng thế giới hư không, tức là pháp thân bình đẳng của Như Lai, nương vào pháp thân, gọi là bổn giác. Giải thích: đây là giải thích văn của bản giác trong Như Lai tạng tâm sinh diệt môn, cho nên biết giác đây chẳng lìa phàm mà hạn cuộc Thánh, chẳng lìa cảnh mà hạn cuộc nơi tâm, tâm cảnh phàm Thánh vốn không, chỉ là linh giác, cho nên nói là viên.

Văn sau chép: Niết-bàn như giấc mộng, thế giới như hoa đốm trong hư không, chúng sinh vốn thành Phật đạo. Lại chép: nhất thiết giác. Lại nói: huyễn diệt, giác tròn đầy, hoặc chỉ một chữ giác là pháp, bốn thứ khác đều là nghĩa. Ý nói: giác này có nghĩa rộng lớn, có nghĩa vuông tròn, nghĩa là thể lớn và dụng rộng, lý vuông và nghĩa tròn, vuông là ngay thẳng không nghiêng, không tà, tròn là đầy đủ không thiếu không khuyết, cũng có thể là lớn. Vuông là thể rộng, viên là dụng, nghĩa là thể lớn mà vuông, chính là không nghiêng, dụng rộng mà tròn đủ không thiếu, cho nên lại dùng vuông liền với lớn, dùng tròn liền với rộng. Lại ba chữ trên là riêng, chữ viên là chung, ý rõ ràng, giác này có đủ đức của ba đại, môn của pháp nghĩa chỉ cho cả hai nên gọi là Đại phương quảng Viên giác, sau là năng thuyên ba chữ "Tu-đa-la" chỉ chung các kinh, hai chữ Liễu Nghĩa khen ngợi một bộ này là nghĩa quyết yếu của các kinh. Cho nên văn sau nói: chính là mắt thanh tịnh của mười hai bộ kinh.

Chữ kinh chính là bộ kinh này. Tu-đa-la, Hán dịch là Khế kinh. Khế: nghĩa là khế lý khế cơ, kinh nghĩa là nhiếp hóa xuyên suốt, nghĩa là xuyên suốt nghĩa nên biết, che chở chúng sinh được hóa độ. Liễu nghĩa là quyết lựa chọn rốt ráo nói hiển rõ, chẳng che đậy tướng rộng lớn của mật ý hàm ẩn, nhưng trong các kinh thì kinh nào là liễu nghĩa? Kinh nào không liễu nghĩa?

Đại sư Thanh Lương đáp: Thuận Tông Hoàng Đế Vấn Chư Kinh Liễu Nghĩa chép: giáo pháp một đời của Phật, nếu y theo việc gốc thì tám muôn độ môn đều là liễu nghĩa, nếu viên khí thọ pháp thì pháp nào cũng viên, được do người cũng đều là liễu nghĩa, hai điều này không đủ để phân biệt. Nay y theo pháp môn phương tiện chỉ bày tính chân thật,

thì có liễu, bất liễu. Cho nên các kinh: Tịnh Danh, Niết-bàn, Bảo Tích đều chép: y vào kinh liễu nghĩa, không nương vào kinh bất liễu nghĩa. Kinh bất liễu nghĩa là nói Tiểu thừa giáo, Kinh liễu nghĩa gọi là giới Đại thừa. Đại thừa lại có liễu, không liễu, nghĩa là Đại thừa tuy sáu Độ, bi, trí, gồm tu, mà định nói tam thừa chẳng phải một, cũng chẳng liễu nghĩa, nếu có hội quy nhất cực. Vì Huyền Lô Đào đối với các tượng. Biển trí chung ở muôn dòng! Không hai, không ba không phải không thành Phật, lý quán trung đạo không chung với Nhị thừa, mới là liễu nghĩa. Lại, trong kinh Đại Bảo Tích chép: Xá-lợi-phất! Đối với kinh nào gọi là liễu nghĩa? Đối với kinh nào gọi là bất liễu nghĩa?

Xá-lợi-phất! Nếu các kinh nói về thế tục gọi là bất liễu nghĩa, nói thắng nghĩa gọi là liễu nghĩa, nói về tạo nghiệp gọi là bất liễu nghĩa, nói nghiệp phiền não hết gọi là liễu nghĩa, nói nhàm chán xa lìa sinh tử, thẳng cầu Niết-bàn gọi bất liễu nghĩa. Nói: sinh tử và Niết-bàn không hai không khác gọi là liễu nghĩa, nói các văn cú khác nhau gọi là bất liễu nghĩa, nói sâu sa khó thấy khó biết gọi là liễu nghĩa.

Giải thích rằng: y theo trên nói thì hành tướng liễu nghĩa, đều tương đương với Viên giác. Ngay nơi Phật tự chọn lựa cho nên lẽ ra không có hoặc. Kinh là Khế kinh, cũng như trên giải thích, liền theo sự đơn giản, lại lược bỏ chữ Khế.

Hỏi: Tu-đa-la và kinh chỉ là văn khác nhau của tiếng Phạm đời Đường, nay cả hai để vào đề mục, đâu chẳng phải rườm rà ư?

Đáp: Trên thì chỉ chung các bộ, ở đây thì chỉ kinh này, đối chung khen riêng, cho nên chẳng phải rườm rà. Cũng như kinh Đại Phương Đẳng Tu-đa-la vương, đâu chẳng phải cũng bốn chữ Tu-đa-la vương là chỉ chung các bộ để khen ngợi kinh ấy ư!

2. Nói về người dịch kinh:

Sa-môn nước Kế Tân là Phật-đà-đa-la dịch. Trong Khai Nguyên Thích Giáo Mục Lục chép: Phật-đà-đa-la đời Đường dịch là Giác cứu, người nước Kế Tân bắc Ấn Độ, ở đông đô chùa Bạch Mã, dịch bộ Kinh viên giác, không ghi năm tháng, Tục Cổ Kim dịch kinh đồ kỷ, và trinh nguyên mục lục cũng giống nhau. Bản sớ của Pháp sư Đạo Thuyên chùa Tạng Hải ở bắc đô lại chép: Tam tạng Pháp sư Phật-đà-đa-la người Yết thấp di la, vào năm Quý Tỵ thuộc niên hiệu Trường Thọ thứ 2 đem bản tiếng Phạm đến thần độ, ở chùa Bạch Mã truyền dịch hai quyển, tổng cộng hai mươi tám tờ. Trong đó sự ghi chép, chứng nghĩa, nhuận văn, các đức đủ như lục khác. Dưới đây chính thức giải thích văn kinh, chia làm ba phần, đó là phần tựa, phần chính, và phần lưu thông. Trong bài

tựa thì chứng tín là phát khởi, nói Phật nhập đại quang minh tạng, cùng tất cả Phật đồng trú trong giác địa thanh tịnh của chúng sinh, hiện khắp các cõi, Bồ-tát chủ bạn đều vào chánh định, cùng một cảnh Phật để nói lên nhân quả không khác, phàm Thánh cùng nguồn, hiển phát chỉ thú kinh này như thế. Nhưng bài tựa chứng tín các kinh đều giống nhau, là A-nan thưa thỉnh, Phật dạy để nhập, cũng là dứt sự nghi ngờ, tranh chấp và các điều tà vạy khác. Nhưng tuy có sáu thứ thành tựu, nhưng ở đây tùy theo văn đều chia ra rộng-lược, có ba phần:

3. Nói về sáu thứ thành tựu:

1. Tín văn thời chủ.
2. Thuyết xứ y chân.
3. Pháp chúng đồng thể.

1) Trước là tín văn thời chủ.

a) Tín thành tựu: Như vầy: lại gồm cả tôi nghe hợp lại giải thích, tức là từ chỉ pháp. Pháp như vầy tôi nghe Đức Phật nói. Luận Phật Địa chép: nghĩa là khi kiết tập các chúng Bồ-tát đều thỉnh nói, như điều ông đã nghe sẽ nói như thế, Bồ-tát truyền pháp liền cho phép kia nói, như vậy sẽ nói: Như điều ta đã nghe, giải thích rằng vì kinh Phật Địa được nói ở tịnh độ, luận giải thích người kiết tập nói là Bồ-tát

Lại, Toản linh ký chép: Tạng Đại thừa, Văn-thù-sư-lợi và A-nan-hải kiết tập ở giữa núi Thiết vi. Ly thích như thế là tín thành tựu. Trí luận chép: Phật pháp như biển lớn, tin thì vào được, có trí thì qua được. Tín, ý nói việc này như vậy, không tin ý nói việc này không như vậy, cho nên tăng Triệu nói: Từ ngữ tin thuận, tin cho nên lý nói ra là thuận, thuận thì đạo thầy trò được thành.

Lại nữa, bậc Thánh nói pháp chỉ vì nói lên chân như, chỉ như là thế, cho nên gọi là như thế, lại nữa chân không trái tục, gọi như, tục thuận theo chân là thị, lại như: là nói theo lý, thị là chẳng phải vô.

b) Văn thành tựu: Lại nữa "hữu vô" không hai là như, như chẳng phải hữu vô là thị, nếu chỉ y theo kinh này thì Phàm Thánh, nhân, quả không khác viên giác gọi là như, chỉ có nhân quả này mới lìa lỗi lầm là thị. Tôi nghe là nghe thành tựu, tôi tức là Văn-thù và A-nan-hải, Năm Uẩn giả vì sao nói tôi? Ngã có bốn thứ:

1. Biến kế của phàm phu.
2. Chấp tông của ngoại đạo.
3. Các bậc Thánh tùy theo thế tục nên giả chia ra chủ khách.
4. Pháp thân chân ngã.

Ở đây chính là hai thứ sau, cho nên không lỗi. Nghe nghĩa là nhĩ

căn phát thức, tuy nhân chỗ tai, bỏ riêng theo chung nên gọi là tôi nghe, chẳng phải tâm tà mạn mà có sở thuyết, nếu là tông vô tướng thì tôi đã không, tôi nghe cũng không nghe, từ duyên không cho nên không hoại giả danh tức không nghe mà nghe như vậy, nếu y theo pháp tánh thì chỉ thú kinh này là Bồ-tát truyền pháp, do sự nhiệm mầu chân ngã của ngã, vô ngã không hai, căn cảnh chẳng phải một, chẳng phải khác nên tai nghe pháp môn chân tục không ngại.

Môn thứ mười là đi vào chánh văn:

c) Thời thành tựu: Một thuở nọ là thời thành tựu, thầy trò hội họp nói nghe rốt ráo, nói chung là một thuở nọ. Một thuở nọ để phân biệt với các thuở khác, thuở là tùy theo thế tục giả lập, Như Lai nói kinh có vô lượng thuở, không thể nêu riêng, một lời nói sơ lược mà cũng khắp nên chỉ nói một thuở nọ. Như kinh Niết-bàn chép: "Một thuở nọ, Phật ngự bên bờ sông Hằng...". Lại, các nơi chia thuở ra dài ngắn khác nhau, cho nên chỉ nói một thuở nọ, nếu y theo đương tông, tức là thuở nọ của nghe, tâm cảnh bị mất nơi lý, trí dung cả phàm Thánh, như bổn giác thỉ giác hội lại, các thứ hai pháp này đều là thuở nọ của một.

d) Chủ thành tựu: Bà-già-bà là chủ thành tựu. Kinh Niết-bàn chép: có khả năng dứt bỏ phiền não gọi là Bà-già-bà, tức là đức dứt, để hiển bày pháp thân, các kinh nói về Tịnh độ thì không chia pháp thân, báo thân, chẳng phải ứng thân hóa thân.

Cho nên kinh Phật Địa chép: "Bạc-già-phạm này là tịnh giác thanh tịnh bậc nhất", cùng tột pháp giới, cùng tận hư không, cùng tận vị lai, nếu theo các kinh, thì chữ Phật này, thường dịch là giác giả. Nghĩa là tâm thể lìa niệm vì hiểu rõ chân vọng tánh tướng. Giác có ba nghĩa: tự giác, giác tha, giác mãn.

Nếu y theo luận Phật Địa thì có mười nghĩa, nghĩa là có hai trí lìa hai chướng, đối với tất cả tánh tướng có khả năng tự khai giác, cũng có khả năng khai giác cho tất cả hữu tình, như ngủ thức giấc, như hoa sen nở, nên gọi là Phật. Nếu theo Hoa nghiêm thì nói mười loại Phật, nghĩa là thành chánh giác Phật, nguyện Phật, nghiệp báo Phật, trú trì Phật, Niết-bàn Phật, pháp giới Phật, tâm Phật, Tam-muội Phật, bổn tánh Phật và tùy nhạo Phật, nếu ra khỏi thể ấy tức là viên giác. Như trong đề giải thích hai thuyết trong tựa đề. Nương chân là xứ thành tựu, nghĩa là Phật nhập nguồn pháp tánh, hiện vô biên vô ngại cõi, cũng không định phân tự tha thọ dụng, cho nên nói nương chân. Nhưng các kinh Đại thừa nói trong tịnh độ, nay lược nêu mười kinh để làm ví dụ: kinh Thâm mật, kinh Pháp tập, kinh Xưng tán Đại thừa, kinh Mật nghiêm, kinh Tâm

ấn, kinh Hưng hiển, kinh Đại Tỳ-lô, kinh Nhập ấn pháp môn, kinh Hư không tạng, kinh Phật địa. Nói: Tôi nghe như vậy, một thuở nọ Bạc-già-phạm, trụ trong ánh sánh rực rỡ nhất, phát ra ánh sáng soi chiếu khắp vô biên thế giới, trùm khắp không có bờ mé, vượt qua ba cõi, chỗ đã đi qua, luận ấy giải thích rằng: cõi này thuộc về cõi thọ dụng, Phật nói kinh này là thân thọ dụng, tịnh độ này bờ mé vô biên tế cho nên như vậy. Là cõi lẽ ra Bồ-tát Địa thượng phải thấy nghe, vì sao ở trong cõi hóa này kiết tập truyền bá?

Luận tự đáp rằng: Phật nói cho các Bồ-tát Địa thượng nghe, dạy truyền pháp là kiết tập lưu thông, lại nói: khi Phật nói kinh này thì đại chúng Địa tiền, thấy thân biến hóa ở cõi uế này nói pháp cho họ nghe. Đại chúng Địa thượng thì thấy thân thọ dụng ở tịnh độ của Phật nói pháp cho họ nghe. Chỗ nghe tuy đồng, nhưng chỗ thấy đều khác, vì khiến cho chúng sinh nghe nguyện cao siêu chứng đắc công đức của Phật, cho nên y theo sự cao siêu ấy mà được kiết tập, nói Bà-già-phạm trụ trong tối thắng... Trong văn có hai:

- Trước là nhiếp tướng về chân
- Sau là xứng chân hiện cõi.

Trong phần đầu có ba:

1. Nêu nhập vào nguồn trí dụng.
2. Nói đồng thể với Phàm Thánh.
3. Nói chung về xứng thể trùm khắp.

- Ở đây trước nêu nhập vào nguồn trí dụng, vào trong thần thông đại quang minh tạng, tạng: là kho tàng bảo tánh pháp giới, khởi tín tâm chân như, là cội nguồn của chư Phật và chúng sinh tánh thể thần thông quang minh, đức dụng như cát bụi đều chứa đựng trong đó. Trăm ngàn ánh sáng đều từ đây sinh ra, cho nên nói Tạng, cũng gọi pháp tánh, độ cũng gọi cõi Thường tịch quang, dứt các phân biệt, trí và lý thầm hợp, gọi là nhập. Nhưng chư Phật có thường quang, phóng quang nếu nói về thường quang thì quang tức là Tạng, nghĩa là tâm tánh vốn sáng suốt vì mê nên dường như tối tăm, vọng tưởng đã trí tuệ ánh sáng rực rỡ chiếu khắp pháp giới, nếu nói theo phóng quang và khởi thần thông thì tức là kho thần thông quang minh.

Tam-muội chánh thọ: là nêu cả Hán và Phạm, chánh thọ là An trú trong tạng không nhận các thọ. Lại Tam-muội, Hán dịch chánh tư, nghĩa là khi ở trong định đối với cảnh sở duyên suy nghĩ quán sát chân chính.

- Nói về Phàm Thánh đồng thể: đã vào nguồn ấy thì tức là đồng

với thể ấy, cho nên luận chép: vô lậu vô minh bao nhiêu nghiệp huyễn đều đồng tánh tướng chân như, Hoa Nghiêm cũng chép: Tâm, Phật và chúng sinh, ba thứ không khác nhau, trong văn có hai: Trước nói Thánh đồng. Tất cả Như Lai mười phương ba đời. bổn giác gọi Như, Thỉ giác gọi Lai, Thỉ, bổn không hai gọi là Như Lai, cho nên chúng sinh có bổn không thỉ, như này không lai. Quang Nghiêm là lớp lớp ánh sáng xen nhau chiếu soi rực rỡ. Trú là an trú dứt hẳn phan duyên. Trì là giữ gìn không mất không hoại, sau nói về phàm đồng.

Các chúng sinh này thanh tịnh giác địa, quên chân khởi vọng, vọng thấy chúng sinh, thể vọng vốn không, toàn là bản giác, tâm địa vọng không bị nhiễm nên nói thanh tịnh. Luận chép: tất cả chúng sinh xưa nay thường trụ Niết-bàn, nhưng Thánh chứng cảnh này, nói thẳng là trú trì. Phàm phu không biết đồng, chỉ cho giác địa.

- Nêu chung về xứng thể trùm khắp: Thân tâm vắng lặng bình đẳng bổn tế, phàm Thánh thân tâm chấp tướng nên dường như khác, tướng đều luống dối, đương thể vắng lặng, vắng lặng cho nên bình đẳng đều đồng. Một bản tức mé gốc viên giác. Đầy khắp mười phương, đã không khác thể giác, theo thể tròn đầy trùm khắp pháp giới.

Không hai thuận theo là thuận theo không hai, là từ ngữ nói ngược của Tây Vực, người dịch đảo văn không hết. Sinh tử, Niết-bàn là hai, phàm phu thuận theo sinh tử, Nhị thừa hướng Niết-bàn, nay đều không trụ cho nên nói thuận theo. Lại nữa, y báo thì tịnh và uế không hai, chánh báo thì chúng sinh và Phật không hai, khắc thể thì thân tâm không hai, gồm chung thì tự tha không hai, tương ưng với ở đây là thuận theo.

e) Xứ thành tựu: Hai: xứng chân hiện cõi: đối với cảnh không hai, Phật không có ý niệm hiện cõi, như gương sáng vô tâm.

Hiện các tịnh độ: vô niệm, mà ứng duyên, như gương sáng vô tâm mà hiện hình ảnh. Cho nên Tăng Triệu nói: cõi tịnh hay cõi uế là tùy theo sở thích của chúng sinh. Tịnh là dùng ngọc báu hiển bày, uế: dùng ngói gạch để hiển bày. Tốt xấu tự kia với ta bất định. Cõi bất định mới gọi là tịnh độ, tùy loại ứng khắp nên nói là các. Nhưng cõi tuy nhiều thứ nhưng không ngoài ba thứ sau:

1. Pháp tánh
2. Thọ dụng
3. Biến hóa.

Nếu chia ra thọ dụng tự tha thì thành bốn cõi. Chung lại chỉ có hai thứ: là tịnh và uế, hoặc tánh và tướng. Nhưng hai thứ này:

- Chất không thành tịnh uế, đầy vơi, khác chất không thành một,

lý là bình đẳng, có chất không thành, tìm nguồn thì mờ tối, không có chất thì bất thành, duyên khởi muôn hình, hình đoạt viên dung không có chướng ngại. Phàm Thánh một thể là từ tự thọ dụng nhập vào cõi pháp tánh. Ở đây lẽ ra các Bồ-tát từ pháp tánh hiện tha thọ dụng. Cho nên lại nói: cùng đại Bồ-tát cho đến đồng trú trong pháp hội bình đẳng của Như Lai, ba pháp chúng đồng thể. Văn có ba:

- Nêu chung: Cùng với Đại là cùng các vị đăng địa trở lên.

- Bồ là Bồ-đề, Hán dịch là Giác, tức quả Phật sở cầu.

- Tát là Tát-đỏa, Hán dịch là Hữu tình, tức chúng sinh được hóa độ, lại nữa người này có sự hiểu biết của liễu ngộ, các tình duyên lự khác. Lại nữa, đây là hữu tình cầu Bồ-đề.

- Ma-ha-tát: Ma-ha là Đại, nghĩa là hữu tình nầy tin pháp Đại thừa, hiểu nghĩa Đại thừa, phát tâm Đại thừa, hướng quả Đại thừa, tu hành Đại thừa, chứng đạo Đại thừa. Cho nên, trong Hoa nghiêm phần địa tiền nói Ma-ha-tát, nhưng nay nêu lên chỉ là địa thượng, đủ mười muôn người (nêu số lượng) một thời gian, một nơi chốn, một nêu riêng.

Tên là: bậc Thánh vô danh, được chúng sinh gọi tên, phần nhiều y theo đức hạnh, tùy nghi nêu riêng, lập ra ngàn muôn khác nhau đều có chỗ biểu hiện, ở đây đều dùng luận nói pháp nghĩa để giải thích tên gọi ấy, văn lý rõ ràng, chẳng phải gượng xuyên tạc.

4. Các vị Bồ-tát nghe kinh:

f) Chúng thành tựu: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Hán dịch là Diệu Thủ, cũng nói Diệu Cát Tường, biểu hiện trí tin hiểu. Cũng dịch là Diệu Đức: tiêu biểu cho chứng trí. Trong văn nói bổn khởi nhân địa, rốt ráo chân vọng để thành chánh giải, thành tựu tín căn, người thưa hỏi lẽ ra là vị Bồ-tát này.

Bồ-tát Phổ Hiền: lược có ba giải thích.

1. Giải thích theo tự thể: thể tánh trùm khắp gọi là Phổ, tùy duyên thành đức gọi là Hiền.

2. Giải thích theo các giai vị: cong ngay không sót gọi là Phổ, gần bậc á Thánh gọi là Hiền.

3. Giải thích theo đương vị: đức đều trùm khắp gọi là Phổ, mềm mại thuận hòa gọi là Hiền, biểu hiện lý hạnh, nay trong môn này y theo viên giác Diệu tâm nêu lên huyễn pháp, mà rõ được chánh hạnh, cho nên Bồ-tát kia hỏi hạnh giải không hai, tức là Tỳ-lô-giá-na, đó là ba vị Thánh, cho nên xếp kế sau Bồ-tát Văn-thù.

Bồ-tát Phổ Nhãn: từ pháp môn này dạy quán thân tâm không có tự thể, căn thức trần cảnh, thế và xuất thế, thân mình thân người, tất cả

thanh tịnh trùm khắp pháp giới, khắp đồng chư Phật, quán hạnh thành tựu mau thấy cảnh giới như thế, chính là Phổ Nhãn chân thật. Ở đây bao gồm bi trí, nghĩa là khắp thấy các pháp thanh tịnh là Đại trí Phổ Nhãn, khắp thấy chúng sinh thành Phật, là đại bi Phổ Nhãn.

Bồ-tát Kim cương Tạng: từ dụ mà đặt tên, Kim cương cứng mà lại sắc bén, cứng nên không vật nào phá vỡ được, sắc nên có khả năng phá vỡ tất cả, Trí của Bồ-tát này cũng giống như vậy. Phiền não không thể xâm hại, ma bên ngoài không thể lay động gọi "kiên", có khả năng phá các chướng, dứt nghi hoặc của người, gọi là "sắc", cho nên khởi khó khăn sâu xa ba lần để tiêu trừ nghi ngờ của thời mạt pháp. Tâm nghi đã không, thì có công đức vô tận, cho nên lại gọi là "tạng".

Bồ-tát Di-lặc: Hán dịch là Từ Thị, Từ là họ, tên là A-dật-đa, Hán dịch là Vô Thắng, đức tốt hơn người. Nay gọi theo họ nên chỉ nói Di-lặc, từ môn này nghiên cứu sâu xa gốc ái, gột trừ hoặc nhỏ nhiệm, cho nên năm tánh tu chứng đều thuộc về luân hồi. Di-lặc là Bồ-tát Đẳng giác Nhất sinh bổ xứ (một đời nữa là Bổ xứ thành Phật) biểu hiện dứt trừ hoặc tập nhỏ nhiệm thì được Chánh giác tròn sáng.

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ: biểu hiện trong tướng nhân quả địa vị tu chứng ở pháp môn này, trí tuệ không trụ, không đắm, tâm rỗng rang quên tướng, không bị tướng hạnh vị khác nhau làm nhiễm.

Bồ-tát Oai Đức Tự Tại: thành tựu ba quán, công dụng lợi ích mạnh mẽ, tà ma không thể nhiễu loạn, mộng tưởng mê hoặc không thể xâm lấn.

Bồ-tát Biện Âm: Phật nói bằng một âm thanh mà hợp cơ muôn loài tuy môn này nói chung về ba quán mà tùy căn cơ cạn thấp khác nhau, vì thế hai mươi lăm luân mỗi vị đều chứng nhập, Bồ-tát này khéo Biện biệt tùy loại âm thanh tròn đầy, cho nên có câu hỏi ấy.

Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng: Tất cả nghiệp chướng đều hết, nương bốn tướng sinh ra, môn này hỏi đáp trừ hết các nghiệp, tự nhiên thanh tịnh.

Bồ-tát Phổ Giác: Các lỗi lầm trước đây đã lìa, bốn tướng lại trừ hết, nhưng với dụng ý tâm hạnh vẫn trừ bệnh "tác chỉ nhậm diệt", giác vẫn chưa khắp, đến đây phải chọn bốn bệnh, giác tánh không dấu vết, hiểu khắp các bệnh, cho nên ngay đây hoặc chỉ đủ, hiểu hết gốc ngọn, hiểu khắp thô tế, hiểu rõ cạn sâu.

Bồ-tát Viên Giác: Nhưng các vị Bồ-tát trong phần chánh tông này hỏi đáp với Phật, nêu ra bổn ý, muốn hiển bày viên giác, nhưng vì nhiều lỗi lầm chưa hết, ý nghĩa chưa tròn, thu nạp căn cơ chưa khắp, cho nên

bày tỏ pháp của Bồ-tát mà chưa nêu tên viên giác. Ở đây có ba ý được gọi viên giác:

1. Trước tuy bệnh hết lý viên, nhưng sợ căn cơ bậc hạ khó nhập, ở đây lại mở ra phương tiện quanh co ba kỳ đạo tràng, tức là thượng căn, trung căn, hạ căn khắp trở về viên giác.

2. Từ trước thứ mục, hạnh giải đã viên, đến đây gọi là chứng cực, cảnh của chứng cùng cực lại không có thể tách riêng, chỉ là viên giác.

3. Đầu tiên nêu lên ý chỉ viên giác là môn Đà-la-ni: từ gốc sinh ngọn, nay nói lên nghĩa đã cùng khắp trở lại viên giác, nhiếp ngọn về gốc, biểu hiện ba ý ở đây cho nên tương đương với môn này.

Bồ-tát Hiền Thiện Thủ: Điều nhu thiện thuận gọi là Hiền, Hiền và Thiện ý nghĩa không khác nhau, Hiền thì á Thánh, Thiện thì thuận lý, thủ là đứng đầu, muốn cho muôn thiện đều hưng thịnh, đều thuận chân lý thành chánh nhân vị, á là thứ Thánh quả, phải mượn kinh giáo truyền bá, kinh giáo được truyền bá là đứng đầu của Hiền Thiện, trong phần lưu thông thì tương đương với Bồ-tát này.

Đẳng: có hai ý:

1. Đẳng sở liệt

2. Đẳng sở dư.

Là bậc Thượng thủ, là nêu lên cương lãnh của mười muôn.

3. Khen ngợi chung.

5. Quyến thuộc của các Bồ-tát:

Cùng các quyến thuộc, chúng xứng tánh, thì phải có chủ bạn. Như kinh Hoa nghiêm chép: Đây y theo tự tha dung nhiếp, nếu chỉ y theo tự tâm, thì trí độ là mẹ... Đều vào chánh định, do vào chánh định nên được trụ cảnh Phật. Đồng an trú trong pháp hội bình đẳng của Như Lai, ngay lúc ấy phàm Thánh đồng thể, nhất tướng nhân quả nên gọi là pháp hội, hội của pháp tánh không ngã không nhân, từ đó trở xuống trong phần chánh tông có mười một lần hỏi đáp. Gom lại làm hai: Ban đầu một lần hỏi đáp, khiến tin hiểu chân chánh thành nhân bổn khởi. Sau mười lần hỏi đáp, khiến y vào hiểu tu hành, tùy căn cơ chứng nhập.

Ban đầu đốn ngộ viên giác diệu tâm sẳn có, vốn không có vô minh, sinh tử mới gọi là tin hiểu chân chánh, không theo vọng niệm, không chấp dị kiến. Thành bổn khởi nhân: là nhân phát khởi đầu tiên, nhưng nhân địa đốn giáo gồm có ba lớp, ban đầu liễu ngộ giác tánh, kế là phát tâm Bồ-đề, sau đó tu hạnh Bồ-tát, nghĩa là nếu không hiểu tự tâm làm sao biết được chánh đạo? cho nên nhiều kiếp tu hành chẳng phải Bồ-tát chân thật. Kế không phát tâm rộng lớn thì không nhờ đâu

khởi hạnh, vì thế trước Thiện Tài trình bày đã phát mới hỏi hạnh môn. Trong luận trước cũng chỉ bày hai giác, kế là dạy phát ba tâm, sau mới tu năm hạnh. Nay nhân bổn khởi tức là hai hạnh đầu. Cho đến văn sẽ chỉ bày, trong văn có bốn:

1. Thân thỉnh.
2. Khen ngợi, hứa khả.
3. Lắng nghe.
4. Chính nói.

Dưới bốn đoạn này có mười phần đều giống nhau. Trong phần đầu có ba:

a) Hỏi oai nghi

b) Trình bày từ cú.

c) Ba lần thành kính.

Mười đoạn sau đây, đều có ba điều này, ở đây:

* Trước hỏi oai nghi, bấy giờ chỉ cho từ chú thích. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Danh nghĩa đã giải thích như trên, sau đây là nói nghi thức cầu pháp cung kính.

6. Đảnh lễ dưới chân Phật:

Ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cùng tất cả phàm Thánh đồng an trú trong pháp hội bình đẳng, từ thể của pháp không liền khởi dụng thương xót cứu giúp.

Đảnh lễ dưới chân Phật: dùng đảnh tôn quý nhất của mình, lễ dưới chân là chỗ thấp hèn nhất của Phật là rất cung kính. Cung kính là ý nghiệp, ý nghiệp không có hình tướng, do thân miệng biểu hiện, kinh nêu lời rõ ràng và sau đây khen ngợi bi tức là khẩu nghiệp. Hữu nhiễu là nghĩa thuận theo, biểu hiện thuận với giác tánh. Tam táp là ba vòng, nói lên Phật một lễ, ba ngôi báu, ba thân, ba đức, tiêu biểu tự nguyện dứt trừ ba đường,... có số ba bày rõ nghĩa so sánh rất dễ hiểu. Trường quỳ là quỳ thẳng: an ổn nguy khốn không đổi, xoa thủ là chắp tay: Tin hiểu hợp với thể, tâm cảnh xen nhau. Bạch Phật rằng: Ở trên đều là do người dịch kinh thêm vào. Kế đến là Bồ-tát trình bày từ cú, văn chia làm ba.

Một là hỏi về tâm bổn khởi:

Đại bi: Thưa hỏi pháp yếu, vốn vì chúng sinh, cho nên nêu riêng đức đại bi. Kinh Lục Ba-la-mật chép: Vì sao đại bi có công năng để xuống gánh nặng, chỉ bày nghĩa cao siêu? Vì thành tựu hữu tình an trú pháp tánh.

Thế Tôn là hiệu thứ mười, đủ chín hiệu trên được người đời tôn kính, nguyện vì hội này là pháp hội bình đẳng. Các chúng đến nghe

pháp đều xưng pháp tánh. Nói về là chỉ cho pháp được giảng nói dưới đây.

7. Bồ-tát Văn thù thưa hỏi pháp yếu:

Bổn khởi của Như Lai là pháp đầu tiên do căn bản xưa của Phật khởi lên.

Thanh tịnh là bản thể viên chiếu vốn không có phiền não.

Nhân địa là tâm địa mà nhân hạnh nương vào, văn trên nói: là giác địa thanh tịnh của các chúng sinh .

Pháp hành xứng với hạnh chân pháp, kinh đại tập chép: Nếu có Tỳ-kheo đọc tụng mười hai bộ kinh của Như Lai, ưa vì bốn chúng giảng nói rộng suy nghĩ nghĩa ấy, đó gọi là ưa đọc cho đến đó gọi là suy nghĩ. Không gọi pháp hạnh: Nếu có Tỳ-kheo quán xét thân tâm, cho đến cảnh giới đều dứt, lìa hẳn phiền não, tâm kia vắng lặng thì ta nói gọi đó là pháp hạnh. Nhưng điều Bồ-tát thưa hỏi ý nói muốn cầu quả phải quán nhân nếu nhân chẳng thì quả trở thành vọng, như đúc tượng Phật bằng vàng ròng, trước phải làm được vàng thật, khi thành tượng thì thể không thêm bớt, thỉnh nói nhân địa bổn khởi là chỗ muôn hạnh nương vào. Văn sau Phật trả lời: soi chiếu tịnh giác vốn không vô minh... là thể chân. Tức là liễu ngộ giác tánh bậc nhất ở trước.

Hai là hỏi phát tâm lìa bệnh: Và nói: và có hai nghĩa: 1. Phân biệt với nghĩa trước, nói lên hai lần hỏi. 2. Hợp với nghĩa tập, chẳng những thỉnh nói nhân địa mà cũng đề cập thỉnh nói phát tâm. Bồ-tát đối với Đại thừa, thể của Đại thừa là bổn giác, thỉ giác, nay thỉnh đối với tâm giác ngộ nói là phát tâm.

Ba là Phát tâm thanh tịnh: Tức là phát tâm Bồ-đề thứ hai ở trước. Thẳng tâm chánh niệm chân như cho nên thanh tịnh, vì thế trong kệ nói: tâm Bồ-đề.

8. Dẫn kinh làm sáng tỏ:

Kinh Hoa nghiêm chép: Quên mất tâm Bồ-đề mà tu các gốc lành là bị ma nhiếp giữ, đã bị ma nhiếp giữ tức là rất nhiều lỗi lầm. Cho nên nhân duyên xin phát tâm là khiến được xa lìa hẳn, hơn nữa bên trong quên mất gốc lành còn bị bị ma nhiếp giữ huống gì đều chưa phát tâm các hạnh, đâu lìa được nghiệp kia. Xa lìa các bệnh, sau khi phát thì không bao giờ quên mất, không quên mất cho nên ma hoặc không quấy nhiễu, dưới đây Phật trả lời: hữu vô (có không) đều xa lìa giác chiếu cũng dứt, năng sở bặt dứt tức lìa các bệnh. Đây là không phát tất cả tâm, gọi là chân phát tâm thanh tịnh. Ba là nói xa trùm đương lai. Có công năng khiến chúng sinh thời mạt pháp ở đời vị lai, sau Phật diệt

độ, chánh pháp, tượng pháp mỗi thời kỳ một ngàn năm, mạt pháp mười ngàn năm. Mạt pháp tức là thời cuối cùng, cách Thánh rất xa lo nghĩ sâu xa, cho nên nói lên trong lợi ích riêng kiết thúc chỉ bày. Lại, trước nêu hội này, sau kiết thúc đương lai, sơ lược mà nói, hiện tại, vị lai đều lợi ích. Trong kinh Kim cương Tam-muội, Bồ-tát Giải Thoát cũng là chúng sinh cõi đời có năm thứ uẩn đục thời Mạt kiếp, thỉnh nói một vị quyết định chân thật giúp cùng nhau giải thoát.

Cầu Đại thừa: không rơi vào tà kiến, nghĩa là trong thời mạt pháp chánh giải khó được, bị vọng hoặc mê tâm năm dục, hoặc huân tập đạo khác, hoặc mắc kẹt Nhị thừa, đặt ngoài lời nói, dù có phát ý cầu Đại thừa, nếu không nghe pháp môn này thì cũng rơi vào tà kiến, lìa ngoài bổn tâm có sở cầu riêng, thấy vọng thấy chân đều là tà kiến, sau ba lần thành kính.

Nói lời ấy rồi: Nói lời chân chánh mà đảnh lễ, chẳng có nghi thức. Năm thể tức hai tay, hai chân và đầu. Gieo xuống đất: không chỉ tay vái mà thôi.

Như thế ba lần xin, cuối cùng trở lại đầu. Nếu chỉ một lượt thì chưa cung kính thành thật, hoặc quá ba lần lễ phiền phức thì lộn xộn, cho nên đầu cuối ba vòng, hiển bày chân tâm, Phật tuy đã biết, làm khuôn phép như thế. Hai là khen ngợi, hứa khả.

Lúc bấy giờ: là lúc Văn-thù lễ xong.

9. Phật đáp lời ngài Văn thù:

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng: Trước khen ngợi sau hứa khả. Lành thay! Lành thay. Luận Trí Độ giải thích: Lời nói lại rất tốt. Liễu nghĩa Đại thừa lý hợp tuyên dương, hạt cải trên đầu kim chưa hợp nhau lại im lặng pháp yếu. Đã mở pháp hội căn cơ thuần thục đều đến, sẽ giảng nói diệu môn hẳn là giúp nêu câu hỏi lời thỉnh hiện nay sự thật bắt đầu ở ta, lợi lạc thật nhiều lại khen là tốt.

Thiện nam các ông, các vị Bồ-tát tuy lời của một người mà nói ý của nhiều người. Vì các vị Bồ-tát thưa hỏi nhân địa pháp hạnh của Như Lai và ví tất cả chúng sinh đời mạt pháp cầu Đại thừa dưới đây cho đến không rơi vào tà kiến. Là từ ngữ nhắc lại lời thưa hỏi là nói về lý do của điều lành.

Được chánh: chẳng trụ vào pháp. Trụ: Là an tâm vào biển giác, dứt hẳn phan duyên. Trì: Là giữ gìn muôn hạnh không lọt không mất. Không rơi vào tà kiến, là giải thích thành chữ chính. Nay các ông hãy lắng nghe, sẽ giảng nói cho các ông: là hứa khả, bảo hay suy nghĩa kỹ chớ xen lẫn các duyên, không dùng tâm hạnh sinh diệt nghe pháp thật

tướng. Luận Trí Độ: Có bài kệ rằng: Người nghe nhìn thẳng như khát cần uống nước, nhất tâm vào trong ngữ nghĩa, hớn hở nghe pháp tâm vừa vui vừa buồn, người như vậy mới nói cho nghe, ba là lắng nghe: Bấy giờ, là lúc Phật khen ngợi, hứa khả.

10. Đại chúng vui mừng lắng nghe:

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vâng lời dạy vui mừng, và các đại chúng im lặng lắng nghe, đã hứa nói nguyện xin muốn nghe, trong sạch tâm rỗng rang lắng nghe, là văn khen ngợi hứa khả lắng nghe, mười một đoạn dưới đây đều cùng giải thích điều này. Bốn là chánh thuyết, văn mười đoạn dưới đây đều có hai: Trước là văn xuôi kế là kệ tụng. Nay trước chia làm bốn.

1. Nêu bày chân tông.
2. Suy cứu tận cùng nguồn gốc của vọng.
3. Giải thích thành nhân địa.
4. Kiết thúc nhắc lại lời thưa hỏi.

Trong phần một lại có hai:

- Trước là nói tâm giác sẵn có.
- Sau nói ngộ thì thành Phật.

Trong phần đầu lại có hai:

- Chỉ ra bản thể

11. Chúng sanh nào cũng có Viên giác:

Này thiện nam: Vô thượng Pháp vương là Phật, đối với các pháp được tự tại lại không có người nào trên. Nhưng mặc dù không có một chúng sinh nào không đủ có viên giác, hơn nữa bụi trần chưa ra khỏi, kho báu còn âm u, vì không tự biết nên luống chịu nghèo khổ, chỉ Phật hoàn toàn được dụng kia, nên chỉ nói đấng Đại giác là có.

Hữu đại: đương thể là vô biên.

Đà-la-ni: Hán dịch là Tổng trì, nghĩa là trong thể Viên giác có đức dụng nhiều như cát, từ xưa đến nay giữ gìn không mất, nhưng Tổng trì không mất, Tổng trì có ba: thứ là chữ đa, chữ nhất, chữ vô, ở đây chính là chữ vô. Cho nên phẩm Đà-la-ni trong kinh Bảo Tích chép: Trí của Như Lai gồm nhiếp các sự khéo léo, lời nói ra đều thanh tịnh không có chút pháp sở đắc, đều trở về "không", cho đến các vị Bồ-tát này nhập vào môn Đà-la-ni. Nếu theo luận Trí Độ thì tiếng Phạm Đà-la-ni hơi khác một chút luận này tự dịch là Năng trì, cũng dịch là Năng già, nghĩa là các pháp lành giữ gìn không để mất, tâm ác bất thiện ngăn ngừa không cho sinh. Đã nói giữ lành ngăn ác, tức là gốc của muôn hạnh, nên ở đây nêu lên.

Môn: nghĩa là ra vào, Xuất: tất cả các pháp nhiễm tịnh đều từ trong đó lưu xuất ra, kế nữa văn nói: lưu xuất ra tất cả... dưới đây nói chúng sinh huyễn hóa vô minh... Nhập: nếu liễu ngộ thể dụng Viên giác thì trăm ngàn muôn pháp thảy đều ngộ nhập, cho nên văn sau nói: giác tròn sáng nên hiển bày tâm thanh tịnh, cho đến trùm khắp... cho nên biết muốn liễu ngộ muôn pháp, phải từ trong viên giác mà vào, lại từ gốc khởi ngọn là xuất, gom ngọn về gốc là nhập. Lại mê thì xuất, ngộ thì nhập, có nghĩa xuất nhập nên gọi là môn, trong đây môn là nghĩa căn bản, không đồng với pháp thế gian rằng môn nghĩa là hẹp và sâu. Kinh Bảo Tích hợp với trước lại chép: từ nơi môn sinh ra giác tuệ rộng lớn khác nhau, đây là môn của không môn, môn thanh tịnh. Hình tướng môn: giống như hư không, tất cả các pháp nương vào hư không mà có sinh diệt. Lại, Hà Trạch nói: một chữ biết là cửa của các điều mầu nhiệm, đều nói là căn bổn. Gọi là Viên giác, trên chỉ nói nghĩa tướng, còn ở đây là chỉ bày pháp thể, đã như trong tựa đề giải thích. Hai là nói về đức dụng.

12. Tâm đồng thì vọng nhiễm:

Lưu xuất chẳng phải có riêng, pháp từ trong lưu xuất ra ngoài, chỉ nương vào giác tánh hiển bày các môn, công đức không cùng tận, ứng dụng không nhàm mỏi, gọi là lưu xuất, vì thế luận chép: nếu tâm có động thì có nghĩa vọng nhiễm nhiều hơn cát sông hằng... đối với nghĩa này, tâm tánh không động thì có quá các công đức thanh tịnh nhiều hơn cát sông Hằng, nghĩa tướng thị hiện như vậy.

Tất cả thanh tịnh, là phân biệt với các pháp hữu lậu. Trái với chân lý, tánh vốn là không.

Chân như: Tự tánh viên giác vốn không có luống dối thay đổi, tức là chân như. Chân nghĩa là chân thật, nói lên chẳng phải luống dối. Như là như thường, nói lên không thay đổi, nghĩa là chân thật này đối tất cả vị thường như tánh của nói. Lại, chân: thể chẳng phải luống dối. Như: tánh không đổi khác, nguỵ là trá nguỵ. Dụ giống như vàng ròng, vọng là luống dối, ảnh như bản chất, khác là nói ngang, nhiều vật đồng thời mà mỗi vật thay đổi khác nhau, y theo chiều dọc và nói về nhất thể trước sau thay đổi, nay đều xa lìa các thứ này nên nói là chân như, nghĩa là thật thể này đối với vị lai thường như quá khứ, ở trong sắc thường như trong thọ, tướng chân thật là như chẳng phải vọng giống.

Luận chép: tâm chân như: tức là nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể. Cái gọi là tâm tánh không sinh không diệt, cho đến cuối cùng không biến hoại. Chỉ là nhất tâm nên gọi là chân như. Lại nói:

dụng chân như: chư Phật nhân địa nhiếp hóa chúng sinh không chấp tướng, vì các Đức Phật biết chúng sinh và chính thân mình, chân như bình đẳng chẳng có sự khác nhau, vì có trí phương tiện lớn như vậy, trừ diệt vô minh, thấy pháp thân sẳn có. Tự nhiên có công dụng của nghiệp chủng không thể suy nghĩ bàn luận.

Bồ-đề: Hán dịch là Giác, nghĩa thấy trong đề, thỉ giác bổn giác không hai, không pháp nào không biết, vốn không có vô minh cho nên gọi là giác. Hai, ba, bốn trí và phát tâm, phục tâm, minh tâm, vượt đến năm thứ Bồ-đề vô thượng, đều thuộc ở đây. Nhân tròn quả đầy đều đi qua. Nghiệp dụng vô biên không thể nói hết.

Niết-bàn: Hán dịch là Vắng lặng, chấp nghĩa loại nên có nhiều tên, đều dùng nghĩa dịch gọi là viên tịch, nghĩa là giác tánh đã viên thông thì pháp nào không vắng lặng, vốn không sinh tử, đầy đủ ba đức, bỏ ba tạp nhiễm... cho nên hai, ba, bốn thứ đều thuộc ở đây. Vì thế kinh kia chép: có thể lập nghĩa lớn, lại, kinh Hoa nghiêm chép: không làm Bồ-tát thị hiện Niết-bàn, muốn khiến cho thường thấy Phật tròn đầy. Nhưng vì khiến chúng sinh ưa thích lưu luyến nên hiện ra, rồi biến mất, Phật hằng ngày thường hiện trong pháp khí có tâm tịnh, người có tâm ô trược thì khí thân hoại vỡ không thấy được.

Và: để phân biệt với nghĩa nhân quả khác nhau, lại chẳng phải chỉ lưu xuất ra. Lý quả mà cũng nói về nhân.

Ba-la: Hán dịch là Bỉ ngạn. Mật, nói đủ mật-đa, Hán dịch là đáo. Nếu văn thuận với phong tục Trung quốc thì nên nói đáo bỉ ngạn. Nghĩa là xa lìa sinh tử bờ này, vượt qua dòng phiền não, đến Niết-bàn bờ kia. Nhưng tất cả chúng sinh chính là tướng vắng lặng lại không còn diệt nữa, vì mê mờ điên đảo vọng thấy sinh tử gọi là bờ này. Nếu ngộ sinh tử xưa nay vắng lặng gọi là đến bờ kia. Lại nữa, y theo đối dịch, sáu tế lược có sáu thứ, nghĩa là tính không san tham, hủy cấm, sân nhuế, biếng nhác, loạn động, ngu si, thuận theo bổn tánh tu hành-thí, giới, nhẫn, tấn, định, tuệ, đã xứng tánh mà tu, tức đều đến bờ bên kia. Trong luận Bồ-đề Tư Lương thì Tuệ là đầu tiên, do tuệ thành năm, năm giúp tuệ. Vì thế luận kia chép: đã là mẹ Bồ-tát, cũng là mẹ các Đức Phật, Bát-nhã ba-la-mật, là giác tư lương ban đầu, thí, giới, nhẫn, tấn, định và năm thứ còn lại này đều nhờ trí độ nên đều thuộc Ba-la-mật. Khởi tín nhiếp là năm, chỉ quán tướng do định tuệ tướng, tức là Duy thức. Được chia làm mười, giúp trị mười chướng, chứng mười chân như, nếu dịch chung các nhiễm tức là tám mươi bốn ngàn, nghĩa như dưới đây sẽ giải thích.

Giáo thọ Bồ-tát: là nói lên nghiệp dụng của pháp chân như nói ở

trên. Bồ-tát là sở giáo, chân như... là năng giáo, cho nên nói chân như là lý. Kế là hai quả Ba-la-mật là nhân lý, thật nhân quả, đáng làm khuôn phép. Nghĩa là y theo tình chấp kia thì dường như đều vô tình, đã vốn là không, đây chẳng phải mới được. Đốn ngộ lý ấy nương đó tu hành có thể sinh vật giải (hiểu biết) gọi là giáo thọ. Luận chép: thuận bổn tánh cho nên tu hành đàn độ... Niết-bàn cũng nói pháp là thầy của các Đức Phật. Sau nói ngộ thì thành Phật, trên lại nêu tông chưa được trả lời, nay nói lên ngộ thành Phật mới gọi là nhân bổn khởi. Nhân địa bổn khởi của tất cả Như Lai là nhắc lại lời hỏi.

Đều nương: Chẳng Đức Phật nào không như vậy.

Viên chiếu: tức là năng chiếu, xa lìa thiên chấp cục bộ. Tướng Thanh tịnh giác: tức là sở chiếu, vắng lặng rỗng không, chẳng liên quan năng-sở, chỉ vì ban đầu ngộ năng sở chưa quên cho nên nói tướng, đây chính là đồng với Thiện Tài ban đầu gặp Văn-thù, rõ ràng tìm hiểu thấy thân tướng kia, sau thấy Văn-thù, bày tỏ chứng trí, không thấy thân tướng.

13. Nhân để thành Phật:

Dứt hẳn vô minh, bản giác đã bày, vô minh vốn không, cuối cùng không sinh gọi là dứt trừ hẳn. Mới thành Phật đạo: các Đức Phật nhiều như cát bụi lấy đây làm nhân.

- Thứ hai: dứt sạch vọng tưởng, văn có hai, trước chỉ bày tướng ấy, sau hiển bày trí vốn không. Luận chép: Phật có hai cách nói pháp, trước phân biệt các pháp, sau nói rốt ráo không, chính là ở đây. Trong phần đầu có ba: nghĩa là nêu lên giải thích kiết thúc, ở đây trước nêu lên. Thế nào là vô minh? Là nêu lên để giải thích ở đây: có hai ý:

- Một do trước nói dứt hẳn vô minh, sợ rằng định có thể dứt ham muốn, đợi dứt hết mới thành Phật đạo. Nay nêu lên để giải thích vô minh vốn không

- Hai cho rằng vô minh này là gốc của tám muôn trần lao, đứng đầu mười hai nhân duyên. Hằng sa phiền não do đây mà sinh, luân hồi nhiều kiếp không dứt, sau khi ở tầng trời Phi tưởng định sanh xuống lại làm thân chồn, trong hầm vô vi vẫn gọi bệnh hành. Nay muốn sáng tỏ giác tánh thanh tịnh. Muốn hiển bày viên đốn là pháp môn vi diệu, trước không xóa bỏ vô minh, việc làm đều hết, giúp cho điên đảo, vì thế chắc chắn chân tâm sẵn có, liền xua tánh vọng, vốn không nương gá ở đây, liễu ngộ rõ ràng mới được gọi là nhân địa. Hai giải thích về vô minh: vô tha thì trí sáng, nghĩa là tuy có sáng của bản giác, mà không có sáng của thỉ giác. Thỉ giác theo duyên mới hiển rõ, đối với bổn nên gọi là Tha,

luận gọi bất giác, chỉ văn khác mà thôi, cũng gọi là mê, cũng gọi là điên đảo, luận nói: không biết đúng như thật pháp chân như là "một" cho nên bất giác tâm khởi... rõ quên chính mình. Đây nói vọng nhận bốn đại,... rõ ràng là nhận tha. Nhưng quên tự thì phải nhận tha, nhận tha thì phải quên tự. Hai: văn nêu lẫn nhau. Nghiệp dụng luận chép: sinh ra ba tế ở đây nói: do đây nên có sinh tử luân hồi. Nhưng tất cả pháp hữu lậu đều giữ gìn đây, đều là phát khởi đây, cho nên luận lại: phải biết tất cả cảnh giới của thế gian đều nương vô minh mà được giữ gìn. Văn ở dưới nói: các tướng thân tâm đều là vô minh. trong văn có ba.

1. Xét định kia là sai.

2. Giải thích tướng ấy.

3. Nêu ra lỗi lầm.

- Một xét định kia là sai: chỉ nói điên đảo, chưa hiển bày tướng ấy.

14. Chúng sanh từ vô thỉ đến nay chưa hề giác ngộ:

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh, ngoài tánh viên giác, còn lại đều bao gồm. Từ vô thỉ đến nay, chưa hề giác ngộ. Các thứ: như ở dưới sẽ nói. Điên: tâm thức cuồng loạn; đảo: bỏ giác theo trần, đảo có sở chấp, điên chỉ mê loạn, từ điên cuồng cho đến đảo loạn, như do mê mình cho nên nhận nó, giống như người mê bốn phương khác chỗ, như người vừa đến nguồn sông, hoặc vào làng xóm, thì bỗng nhiên tâm mê lầm cho Đông là Tây. Đã một phương mê ba phương khác đều chuyển, cho nên nói khác chỗ, nhưng khi đang mê phương hướng cũng không đổi, bổng nhiên tỉnh ngộ thì trở lại nơi cũ. Trở lại tìm mê này hoàn toàn không có dấu vết, không có chỗ xưa nay, không có chỗ hiện nay quá khứ.

Hai là giải thích tính tướng ấy: tức là quên pháp thân chân trí của mình, nhận bốn đại duyên niệm khác là tướng của vô minh. Cho nên Tăng Triệu nói: pháp thân giấu trong hình tướng, chân trí ẩn trong duyên lự. Văn có hai.

- Pháp: vọng nhận bốn đại làm tướng tự thân, cho là ngã. Nhưng bốn đại từ các duyên hòa hợp mà có, vô ngã vô chủ, rốt ráo là "không" lìa ngã, ngã sở. Lại, như văn dưới đây: da, thịt, gân, xương đều trở về đất, nhưng phàm phu gây ra các thứ nghiệp, nhiều kiếp luân hồi, do quên pháp thân của mình, chấp bốn đại này là ngã. Sáu trần duyên theo bóng dáng làm tướng tâm mình, ở đây có hai cách giải thích:

15. Nói duyên theo bóng dáng sáu trần:

- Sáu trần là cảnh, thức thể là tâm, tâm đối căn trần có tướng

duyên lự, tướng duyên lự như bóng dáng, nêu thể hoàn toàn vô. Tâm tự sáng rõ, vốn chẳng phải duyên, nay cho duyên lự là tự tâm, mỗi niệm, mỗi niệm tùy theo chìm nổi biển khổ, như hạt châu trong sáng vốn không sinh vàng, khi đối trước màu xanh... liền có ảnh tượng. Người ngu chấp màu sắc kia cho là hạt châu. Như mê tự tâm mà nhận lấy duyên ảnh. Cho nên Duy thức nói: Các tâm vương, tâm sở nương vào trần mà khởi, cũng như việc huyễn chẳng phải thật có, vì kiến chấp ngoài tâm, tâm sở thật có cảnh, nói chỉ có thức. Nếu chấp duy thức là thật có thì cũng là pháp chấp. Kinh Phật Đảnh chép: đây là bóng dáng phân biệt của tiền trần, cho nên biết duyên ảnh chắc chắn là không. Nếu chân tâm thanh tịnh thì vốn không duyên lự, tinh thần sáng suốt không mê muội, không trụ không căn, nay duyên theo tâm thật là luống dối.

- Một câu này người dịch kinh dịch không hết, ý nên nói duyên bóng dáng sáu trần, bóng dáng sáu trần là sở duyên, vọng thức là năng duyên, sáu trần không thật, giống như ảnh tượng. Từ thức sở biến, nêu thể tức không, cho nên duyên tâm này cũng là vô thể, ngoài ra giống như trước đã giải thích. Trước nêu điên đảo nói có các thứ, nói chung thì chấp ngã, chấp pháp, trong đó mỗi thứ có các tướng chuyển và phàm phu Nhị thừa, mỗi thứ đều có bốn đảo. Nếu y theo văn này thì tức là trên quên thân quên tâm, gồm có bốn cặp điên đảo. Đó là bốn đại chẳng phải ngã mà cho là ngã, pháp thân chân ngã mà không nhận, đó là cặp thứ nhất, bốn đại như huyễn, vốn không mà thấy có, pháp thân chân thật vốn có mà thấy không, đó là cặp thứ hai. Duyên niệm sinh diệt cho là chân tâm, chân tâm rõ ràng mà không tự nhận, đó là cặp thứ ba. Duyên niệm như màu đen trong hạt châu, hoàn toàn không mà chấp có, chân tâm như tướng sáng trong hạt châu, thật có mà thấy không, đó là cặp thứ tư.

16. Nếu ví dụ để làm sáng tỏ:

Một, ba ngã chấp; Hai, bốn pháp chấp, các kiến chấp này không nhân tông chỉ của thầy, chỉ là phàm ngu nhậm vận như thế. Đã bốn đối tám chiếc khác nhau cho nên nói các thứ. Hai là dụ, văn chia làm hai:

- Ban đầu dụ thẳng văn trước.

Thí như bệnh mắt kia thấy trong hư không có hoa đốm và mặt trăng thứ hai. Này người thiện nam! hư không thật không có hoa, người bệnh chấp có, mắt mờ nhìn trong hư không không có hoa vọng cho là có, ấn mắt nhìn mặt trăng, bên cạnh mặt trăng thấy có mặt trăng khác, hoa đốm trong hư không và mặt trăng huyễn ấy đều dụ cho thấy nhầm, chúng sinh vì một niệm quên tâm, tự che lấp giác tánh tròn sáng, mà ở

trong thể tròn sáng vọng thấy thân tâm sinh diệt, cho nên nói hư không thật không có hoa mà người bệnh vọng chấp, lời chấp lầm chính là lời (nhận sai) ở đối trước, nếu ngộ chân như không tướng thì chỉ là nhất tâm, như hư không vốn không có hoa, trời chỉ có một mặt trăng. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Thấy nghe như màng che mắt, ba cõi như hoa đốm trong hư không, nghe lại thì màng che mắt hết, bụi sạch hết thì giác tròn sạch.

17. Tất cả mọi hiện tượng đều nằm trong tâm nhiệm mầu chân tịnh:

Lại nói: thân ông tâm ông, bên ngoài cho đến núi sông, hư không, mặt đất, đều là vật hiện ra trong tâm mầu chân tinh, cũng có thể phối riêng hai ví dụ: nghĩa là hoa dụ nhận thân, mặt trăng dụ cho nhận tâm, thân thì chỉ vì tâm mê nên ngay đương thể mà nhận lầm, như hoa đốm trong hư không chỉ vì mắt bị che lấp, ngoài không chỗ nương khác. Tâm thì nội căn ngoại trần nương nhau sinh khởi. Như mặt trăng thứ hai vì ấn mắt mà từ mặt trăng thật nương nhau sinh ra, cho nên phối với thân tâm soi chiếu hiện nghĩa. Nhưng mặt trăng dụ như hoa cũng nên nói: mặt trăng thật không có hai. Ấn là vọng chấp, văn kinh tóm lược nên không đầy đủ. Lại vì vừa hiểu, màng mắt, ấn mắt đều dụ cho kiến phần, mắt dụ cho trí tuệ, hư không và mặt trăng dụ cho chân lý, luận Bát-nhã của ngài Thế Thân lấy sự che lấp dụ cho tướng phần, theo ý của chỗ giải thích, lấy hoa của sở kiến, sau xoay vần thấy ngược.

Vì vọng chấp nên nhắc lại nguyên nhân sinh khởi chuyển chấp.

18. Chỉ trách trong hư không có hoa chẳng biết trong mắt có màng:

Chẳng phải chỉ mê lầm tự tánh hư không này, tính của hư không thanh tịnh không có sự vật, nay chấp hoa sinh trong hư không, tức giống hư không biến thành hoa, thấy nhầm hoa trong hư không, không sinh mà sinh, vô vật mà thành vật, chính là tánh của hư không bị mê hoặc. Cũng lại mê chỗ hoa thật sinh kia, đã chấp hoa từ hư không sinh, thì không biết từ sự che lấp mà khởi, che lấp thì thật là chỗ sinh của hoa, chẳng phải là hoa chân thật. Nếu đủ pháp hợp lại lẻ ra nói: chẳng phải chỉ mê hoặc tự tánh chân không này, mà còn mê chỗ sinh thân tâm kia, đây chỉ trách trong hư không có hoa, bất giác trong mắt có màng, ngoài hiểm thân tâm khổ não, không biết bên trong có chứa mê tình.

Ba Sinh ra lỗi lầm: Do đây, vì trước vọng nhận tướng thân tâm. Vọng có: sinh tử không thật.

Trôi lăn trong sinh tử: Vọng chấp thân tâm. Nếu không có lỗi lầm

thì mặc tình chấp mãi, không cần thay đổi. Vì do chấp này nên trong số kiếp nhiều như cát bụi luân hồi không dứt, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, tám khổ năm suy làm hại, cho nên phải chỉ bày. Ba là kiết thúc, cho nên gọi là vô minh, minh tức là giúp người giải thoát, cho nên biết người trôi lăn thì gọi là vô minh. Hai là nói lên vốn không, văn có ba:

19. Bản tế vốn là diệu minh:

- Trước là nêu định.

Này người thiện nam! vô minh này, chẳng có thật thể, nói không có thật thể, chỉ là giả danh. Tìm cầu trong ngoài hoàn toàn không thật có. Suy ra bản tế vốn là diệu minh, cho nên luận chép: niệm không tự tướng không lìa bản giác, lại nói: y giác cho nên quên, nếu xa lìa giác tánh thì là giác, rõ các hạnh vô thể này là không sinh, không sinh cho nên không diệt, sinh diệt dứt rồi vắng lặng là vui, là biết mười một chi pháp đều có sở nhân. Chỉ do vô minh này từ hư không sinh khởi một cách ngang trái, nay ngộ vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, cho đến già, chết diệt.

- Kế là ví dụ giải thích.

Như người trong lúc ngủ mộng khi mộng chẳng phải không và cho đến khi tỉnh thì hoàn toàn không thật có.

Trước nói các lỗi lầm đều quy về vô minh. Nay lại nói vô thể, đạo lý khó thấy, lời nói bặt dứt, cho nên căn cứ vào dụ mà giải thích, nói khi ngủ nằm mơ thấy vật là có, cho nên các thứ trước nói về hành tướng kia khi thức muốn tìm lại thì không thật có, cho nên ở đây hiển rõ là vô thể.

20. Hỏi đáp về hoa đốm diệt:

Hỏi: Cầu không được thì diệt đi chỗ nào?

Cho nên kế lại đáp: Như hoa đốm trong hư không biến mất giữa hư không, không thể nói chắc chắn có chỗ diệt đi. Vì sao? Vì nêu ý rằng: Nếu không có chỗ diệt, thì lẽ ra nên thật có, vì sao nói hư không là vô.

Vì không có chỗ sinh: ý nói khi thấy hoa hư huyễn, nếu thật là có thì nay khi không thấy liền nói có chỗ diệt, khi thấy vốn không có chỗ sinh, không thấy làm sao tìm chỗ diệt?

Hỏi: Trước nói thật có chỗ sinh ra hoa, ở đây làm sao giải thích?

Đáp: Y theo lúc vọng chấp ở trước mà nói có. Ngộ rồi mới biết khi có vốn không, vì các pháp hòa hợp rõ ràng có thể thấy, cho nên kinh Lăng-nghiêm chép: mê này không có bổn tánh, rốt ráo là không. Xưa vốn không mê, mà dường như có mê tánh giác, giác mê thì mê diệt,

giác không sinh mê, đây chính là lý vô sinh. Nếu quyết định nhẫn chịu ở tâm, gọi là vô sinh nhẫn. Kinh Hoa nghiêm chép: Tất cả pháp không sinh, tất cả pháp không diệt, nếu hiểu được như vậy, chư Phật thường hiện tiền. Sau khi dứt nghi, nghi rằng: trước nói sinh tử, do nơi vô minh, vô minh đã không, đâu có sinh tử? cho nên giải thích rằng:

21. Cái thấy ngang trái gọi là sinh tử:

Tất cả chúng sinh ở trong vô sinh vọng thấy sinh diệt, vô minh và sinh tử bổn mạt tất cả đều không. Chúng sinh ở trong không này mà mê tình, thấy có sinh tử một cách ngang trái, trước y theo cái thấy ngang trái cho nên nói có, ở đây thì thật luận cho nên nói không. Thế nên gọi là sinh tử luân hồi, chỉ cho văn trước, do bởi cái thấy ngang trái, cho nên văn trước gọi là sinh tử. Thứ ba giải thích thành nhân địa. Trên đây đã nói vọng, không, chân, hữu, có Phật, không Phật, tánh tướng vẫn như vậy, nay nói nương đây thông suốt, tâm ý thầm hợp mới thành nhân địa bổn khởi. Giải thích thành chánh đáp câu hỏi, trong văn chia làm ba:

22. Nói về nhân địa tu viên giác của Như lai:

- Trước là nương chân, ngộ vọng, mau chóng ra khỏi sinh tử. Này người thiện nam! nhân địa của Như Lai tu viên giác: Văn như trước đã nêu, tức là nương chân.

Biết là hoa đốm trong hư không là ngộ vọng, đều mau ra khỏi sinh tử, tức là không có trôi lăn thì không có pháp sinh tử. Đã biết muôn pháp như hoa đốm trong hư không, thì đâu còn thấy có trôi lăn, một hạt hoàn đơn chỉ sắt thành vàng, chân lý một lời biến phàm thành Thánh. Cũng giải thích nhân không khác quả, nhân địa như vậy mới gọi là chân tu.

Cũng không có thân tâm chịu sinh tử kia: người không sinh tử. Nghĩa là nếu chấp có ngã mà thoát khỏi luân hồi, thì đó là chưa khỏi ngã chấp. Ngã, ngã sở mất mới được giải thoát, tức là soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua tất cả khổ ách. Bên ngoài để lại thế giới, bên trong thoát khỏi thân tâm. Không chấp thân, thân đồng hư không. Không chấp tâm tâm đồng pháp giới.

Chẳng làm cho nên không, bổn tánh là không. Chẳng do ta làm quán hạnh mới được, thân tâm rỗng không, bản tánh vắng lặng, xưa nay là không. Cho nên kinh Kim cương Tam-muội chép: Như chúng sinh được hóa độ mà không có chúng sinh được cảm hóa, không chúng sinh không hóa độ, hóa độ kia mới lớn! Kế là xoay vần phủi đi dấu vết, giải thích thành chánh nhân. Phủi có bốn lớp: Tri giác kia kia giống như hư không, một là phất nhẹ trí biết vọng, nghĩa là có thể biết thân tâm tánh

vốn không, cũng như hư không đều chẳng thật có.

23. Xóa bỏ tâm phủi:

Biết hư không tức là tướng hoa đốm trong hư không, hai là xóa bỏ tâm phất. Biết năng giác là vô, tức đồng với hoa đốm trong hư không, tức là vô. Cũng không thể nói không biết tánh giác. Ba là ngăn dứt đoạn diệt, chỉ không khởi niệm phân biệt không hữu, không phải là không tâm, có không đều mất. Bốn là tổng kiết lìa lỗi.

24. Tổng kết lìa lỗi:

Ấy gọi là thuận theo tịnh giác. Giải thích thành nhân. Có-không đã không hợp lý, đây tức là đường tâm tư lời nói dứt bặt. Giác thể thanh tịnh từ đây hiển rõ, nhưng không bỏ giác theo trần, thì gọi là thuận theo, cũng chẳng có năng thuận riêng, cho nên ngài La-thập nói: vô tâm nơi hợp, hiệp ấy là hợp ư! Thuận theo tịnh giác nên nói tịnh giác thuận theo, như thế chấp hết thì bệnh trừ. Nhưng sâu hưng tâm vận hành, thì nhóm cát vẽ đất, chắp tay cúi đầu đều thành Phật đạo. Tu tập như vậy đáng gọi là chánh nhân, sau nêu lý do phất nhẹ. Giải thích trở về viên thật.

Vì sao? Vì thân tâm giả huyễn có thể nói là hoàn toàn không. Tri giác xứng lý vì sao lại phải bỏ! Hữu vô đều dứt thì y theo cái gì tu hành? Kế lại giải thích ý nói: tướng nhân đối đãi đều là theo duyên. Pháp của theo duyên đâu có thật thể! Sinh tâm động niệm thì trái với bổn tánh, mất đi chánh niệm. Tánh thể viên thật đều không như vậy...

Tánh hư không, tất cả pháp không bất sinh diệt, nghĩa là tướng như trên nhân các tướng, giống như hư không, vốn tự không sinh nay không thể diệt, chẳng phải phủi bỏ mới làm cho không. Vì thế kinh Phật Tạng chép: Tất cả pháp không không, chẳng có mảy may tướng...

Thường bất động, tất cả pháp vắng lặng không đến, đi. Chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại. Vì thế kinh Pháp Cú chép: các pháp từ xưa đến nay vắng lặng không hề lay động. Kinh Pháp Hoa cũng chép: tướng thường tự vắng lặng.

25. Nói về Như lai tạng:

Trong Như Lai tạng, hai câu trên nói về các pháp, dưới đây đều hiển rõ nhất tâm. Luận Chỉ Nhất Tâm chép: Như Lai tạng. Kinh Lăng-già cũng chép: vắng lặng: gọi là nhất tâm. Nhất tâm: gọi Như Lai tạng. Kinh này ở dưới chép: viên giác, diệu tâm, Niết-bàn tức gọi Phật tánh. Nay một câu này là nêu chung, hai câu tiếp là "không tạng", ba câu sau là "bất không tạng". Gọi chung là Như Lai tạng: do ba nghĩa.

1: Nghĩa che lấp: nói che lấp Như Lai cho nên nói tàng, vì thế kinh Lý Thú Bát-nhã chép: tất cả chúng sinh đều Như Lai tạng. Kinh Thắng-

man chép: hai pháp sinh, tử gọi là Như Lai tạng. Pháp thân Như Lai không lìa khi phiền não, gọi là Như Lai tạng. Kinh Như Lai tạng chép: trong các phiền não tham, sân, si của tất cả chúng sinh có thân Như Lai, cho đến thường không nhiễm ô, đầy đủ đức tướng, như ta không khác, liền dùng chín ví dụ để ví dụ.

26. Nêu chín ví dụ:

1. Ủy hoa Phật thân.
2. Nham phong thuần mật.
3. Khang hội canh mễ.
4. Vàng ròng rơi xuống bùn nhơ.
5. Nhà nghèo được kho báu.
6. Hạt trong quả am-la.
7. Tượng vàng trong áo rách.
8. Bần nữ của Luân vương.
9. Tiêu mô đúc tượng.

2. Nghĩa gồm nhiếp: nghĩa là pháp thân Như Lai thâu nhiếp chứa nhóm thân tướng, cõi nước, thần thông đại dụng công đức vô lượng. Lại cũng gồm nhiếp tất cả chúng sinh, đều ở trong tạng Như Lai.

3. Nghĩa sinh ra: nghĩa là pháp thân này đã bao trùm các đức, hiểu rõ chứng nhập thì sẽ sinh ra. Luận Thập Địa chép: địa trí có công năng sinh ra nhân quả vô lậu, cũng có thể sinh khởi đạo hạnh của trời, người. Ba nghĩa này trước y theo khi mê, sau y theo khi ngộ, ở giữa là khắc thể nhưng y theo chân vọng hòa hợp, thì gồm có hai hình tướng, nghĩa là trong kinh này nói: Như Lai tạng tự tánh khác nhau, luận chép: Chân như sinh diệt, nhưng chân vọng mỗi thứ đều có hai nghĩa, chân nghĩa là tùy duyên bất biến, vọng: nghĩa là thể không thành sự, trong chân không thay đổi, trong vọng thể không tức tự tánh chân như. Trong chân tùy duyên, trong vọng thành việc, tức là sinh diệt khác nhau.

27. Tính chân như có hai tướng:

Ban đầu trong tính chân như, lại có hai tướng. Kinh Thắng-man nói: có thứ hai Như Lai tạng không trí, đó là Không Như Lai tạng và Thoát ly nhất thiết phiền não tạng. Bất không Như Lai tạng, có hằng sa không thể suy nghĩ bàn luận Phật pháp. Trong luận cũng nói như thật không -như thật bất không, nghĩa hoàn toàn giống như ở đây. Sau trong sinh diệt cũng có hai tướng, đó là hữu lậu, và vô lậu, vô lậu lại có hai. Hữu vi và vô vi, hữu lậu cũng có hai là thiện và bất thiện, những hành tướng này đều có nghiệp dụng. Ban đầu là chân tánh, chân tánh có hai nghiệp.

28. Có hai thứ nghiệp:

- Tự thể năng trì, công đức hằng sa, từ xưa đến nay không mất, không hoại.

- Có khả năng chế ngự hằng sa phiền não khách trần, từ vô thỉ đến nay không nhiễm không ô, sau sinh diệt cũng có hai nghiệp:

1. Có công năng khởi hoặc gây nghiệp, nhiều kiếp chịu khổ sinh tử trong sáu đường. Cho nên kinh Lăng-già nói: Như Lai tạng: là nhân của lành, không lành, có công năng tạo ra tất cả đường cho đến hoặc sinh hoặc diệt.

2. Có công năng biết chân đạt vọng, phát tâm tu hành chứng quả ba thừa. Như luận Thập Địa ở trước đã dẫn... nói do hai nghiệp. Luận bảo tánh dẫn bài kệ trong kinh chép: tánh từ vô thỉ đến nay, làm chỗ nương cho các pháp, pháp tánh có các đạo và chứng quả Niết-bàn. Văn xuôi dẫn lời giải thích của kinh Thắng-man chép: Tánh là Như Lai tạng. Y chỉ là Như Lai tạng, là nương tựa, là giữ gìn, là kiến lập. Các đường là có Như Lai tạng cho nên nói sinh tử, ấy gọi là khéo nói. Chứng Niết-bàn, nếu không có Như Lai tạng thì không được nhàm chán khổ, ham cầu Niết-bàn, là chỗ nương từ đầu đến cuối trong nhân quả của chư Phật, vì thế người vào đạo trước phải tin hiểu. Lìa đây mà tin khác thì rơi vào tà kiến. Vì thế kinh Mật Nghiêm quở trách là ác tuệ. Hoa Nghiêm cũng chép: không thể rõ tự tâm, làm sao biết chánh đạo. Kia vì điên đảo tuệ, nuôi lớn tất cả ác, căn cứ đây mà rõ mới biết chánh đạo. Cho nên kinh Thắng-man chép: nếu đối với Như Lai tạng mà bị vô lượng phiền não trói buộc không nghi ngờ thì đối với tạng pháp thân vô lượng phiền não xuất triền cũng không nghi ngờ. Hội ban đầu trong Hoa Nghiêm, Phổ Hiền liền nhập Tam-muội Như Lai tạng thân là ý ở đây. Nhưng dù tâm này phàm Thánh đều có, nhưng quả hiển rõ dễ tin, vì ẩn nên khó rõ, vì hiểu biết cạn cợt. lưu truyền khinh nhân trọng quả. Nguyện các đường là tin sâu tự tâm.

29. Nói về tính chất của Như lai tạng:

Không khởi diệt: giải thích sinh tử sở tri ở trên...

Vì không tri kiến: giải thích tri giác giả ở trên...

Hai câu trên đây giải thích không tạng. Nghĩa là thấy sinh tử khởi, thì gọi là chấp tình, thấy sinh tử diệt, thì gọi là tri giác, nay vì trong Như Lai tạng đã không thể khởi, không thể diệt thì làm sao có năng chấp, năng tri? Lại, khi mê sinh tử chẳng khởi, khi tịnh tâm chẳng phải diệt, cho nên vô mê. Khi ngộ thì tịnh tâm chẳng khởi, sinh tử chẳng diệt, cho nên chẳng có ngộ. Vì chẳng có ngộ cho nên vô tri kiến, đây chẳng phải

chỉ không thể biết thức, đè nén cũng không thể biết trí, thức và trí đều như, mới là tự thể hiểu biết chân thật, ánh sáng đại trí tuệ chiếu khắp, vì ba câu dưới đây nói về "bất không tạng".

30. Hai điểm khác nhau giữa pháp giới tánh và Như lai tạng:

Như pháp giới tánh: pháp giới tánh và Như Lai tạng thể đồng nghĩa khác, khác có hai:

1. Trong số hữu tình gọi Như Lai tạng, trong số phi tình (chẳng phải hữu tình) gọi pháp giới tính. Như luận Trí Độ nói sự khác nhau giữa Phật tánh và pháp tánh.

2. Nói pháp giới thì tình thế gian, khí thế gian thông suốt tâm cảnh không phân, Như Lai tạng thì chỉ nói các Đức Phật và chúng sinh tâm thể cội nguồn thanh tịnh, như nói rằng có thể làm thiện ác, có thể khởi nhàm chán mong cầu, nói theo pháp giới, thì không có nghĩa đây. Căn cứ theo đây thì tạng tâm đảm đương cội nguồn, giới tánh hỗn hợp gốc ngọn, hỗn hợp thì nghĩa trùm khắp khắp dễ tin, đảm đương thì lý biến khắp khó rõ, vì thế chỉ tạng tâm như pháp giới tánh. Cũng là thâu nhiếp sự khác nhau của hai nghĩa kia, trở về đồng một thể, mới hiển rõ giác vọng nhờ nương thật chẳng phải rốt ráo viên thật.

Rốt ráo dọc cùng ba đời, đầu cuối thường như vậy. Viên là trùm khắp hư không, mãn là các đức đầy đủ. Vì khắp mười phương cho nên không bờ mé, vì tánh Như Lai tạng vốn tự như thế, đâu cần giảm cũ, thêm mới, diệt hoặc, sinh trí? Vì thế ba lần mất đi thầm hợp tâm giác, lấy đó làm gốc tu hành mới được chính gọi là nhân địa.

31. Kết thúc nhắc lại đáp:

Thứ tư kiết thúc nhắc lại lời hỏi đáp.

Cho nên là pháp hạnh nhân địa, Bồ-tát do đây, đối với Đại thừa phát tâm thanh tịnh, chúng sinh đời mạt pháp nương theo đó tu hành, không rơi vào xuống là kệ tụng, văn chia làm hai:

- Nêu lên: Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên nói kệ rằng: nhưng kệ có hai loại:

1. Già-đà: Hán dịch là phúng tụng, tức là kệ cô khởi.

2. Kỳ dạ: Hán dịch là xưng tụng, là tụng theo văn xuôi, hoặc vì người độn căn nói lại, hoặc vì những người đến sau, hoặc vì làm rõ thêm đều nói ở trước. Nay kệ kinh này điều đã là kỳ-dạ. Nhưng hễ nói văn xuôi thì kệ tụng đối nhau. Có ví dụ về năm cặp, đó là: có, không, rộng, lược, ly, hợp, trước, sau, ẩn, hiện. Vấn mục kinh này là có văn xuôi không có kệ.

Đáp: Đều là văn xuôi rộng, kệ lược, ngoài ra tùy theo đối văn

tương đương đang chỉ.

- Chính thức trình bày: nhưng trong đoạn này có năm bài kệ, chỉ phúng tụng lại trường hàng, không có nghĩa riêng, cho nên như thứ hai y theo bốn đoạn trước mà xét. Nhưng văn kinh thêm bớt, cho nên tên khoa đoạn cũng khác nhau chút ít. Bốn thứ là:

32. Các bài tụng về liễu ngộ bản giác:

- Phúng tụng liễu ngộ bản giác.

* Văn-thù ông nên biết, tất cả các Như lai, từ nơi nhân địa gốc, đều nhờ trí tuệ giác. Nghĩa chẳng khác trước.

- Phúng tụng dứt trừ vô minh.

* Thấu rõ các vô minh:

Biết kia như hoa đốm, Thì thoát khỏi trôi lăn,
Lại như người trong mộng, Thức dậy chẳng thật có.

Hai đoạn trên đều lìa trường hàng, hợp với kệ.

- Phúng tụng phủi dấu vết thành nhân:

Người giác như hư không, Bình đẳng không lay động, Biết khắp cả mười phương, Liền được thành Phật đạo, Dứt các huyễn không còn.

Hai câu trên, trước văn xuôi sau kệ.

Thành đạo cũng không được, văn xuôi không kệ có, vì Bổn tánh tròn đầy, bốn đọc bài kiết thúc nhắc lại hỏi rằng.

Bồ-tát đối với đây, Nặng phát tâm Bồ-
đề

Văn xuôi kín, kệ hiển rõ.

Chúng sinh đời mạt pháp, tu đây khỏi tà kiến.

■